

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : <http://www.ethongluan.org> - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 267 - Năm thứ 25 - Tháng 03-2012

Xã luận

Liên lạc : Hộp thư Thông Luận (Internet) : info@ethongluan.org

Mua báo : Nghiêm Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France

Thêm một dịp để rút kinh nghiệm

Cuộc vận động gửi thư thỉnh nguyện yêu cầu chính phủ Mỹ quan tâm tới tình trạng nhân quyền tại Việt Nam sau những phần khởi lúc ban đầu đang có dấu hiệu trở thành một nguồn thất vọng và chia rẽ.

Thật đáng tiếc vì cuộc vận động này đáng lẽ phải là một thành công lớn có tác dụng đoàn kết người Việt hải ngoại hơn nữa trong cuộc vận động dân chủ hóa đất nước. Trong một thời gian ngắn, nó qui tụ được trên 136.000 chữ ký, vượt xa con số 25.000 mà chính quyền Mỹ đòi hỏi để tiếp xúc với những người đại diện cho một thư thỉnh nguyện. Những người từ khắp nước Mỹ thỉnh nguyện đến tòa Nhà Trắng bằng phương tiện cá nhân của mình để ủng hộ thư thỉnh nguyện cũng lên tới gần một ngàn người, nghĩa là rất đông đảo. Đây là một thành tích mà ít có cộng đồng sắc tộc nào tại Mỹ có được. Nhưng ngay sau đó các dấu hiệu thất vọng và xung khắc đã xuất hiện. Trúc Hồ, tổng giám đốc đài SBTN và người chủ xướng thư thỉnh nguyện, đã bộc lộ sự bất bình ngay trong buổi tiếp xúc tại tòa Nhà Trắng và sau đó tuyên bố chấm dứt hợp tác với Nguyễn Đình Thắng, giám đốc BPSOS và người đã sắp xếp với chính phủ Mỹ cuộc gặp gỡ này. Nhiều người lên tiếng vừa kêu gọi tẩy chay đài SBTN vừa đã kích Nguyễn Đình Thắng và tổ chức BPSOS mà ông thành lập và điều khiển từ hơn 30 năm qua. BPSOS và SBTN là hai trong số rất ít hoạt động lớn của cộng đồng người Việt tại Mỹ. Nếu không may mà hai tổ chức này suy sụp thì có lợi cho ai ?

Những nguyên nhân thất vọng và chia rẽ có thể tóm lược là : sự tiếp đón của tòa Nhà Trắng đã không long trọng như chờ đợi ; cuộc tiếp xúc đã không diễn ra đúng như ý muốn của những người tham gia thư thỉnh nguyện, nghĩa là tập trung lên án những vi phạm nhân quyền tại Việt Nam ; và những người trẻ được chọn làm phát ngôn viên của khối người ký tên thư thỉnh nguyện trong cuộc gặp gỡ này đã nói những điều nêu không hẳn lạc đề thì cũng không phải những điều mà người ta chờ đợi ở họ.

Những phiên trách trên đây không phải là không có cơ sở, nhưng nguyên nhân sâu xa của những nguyên nhân này là sự thiếu hiểu biết, thiếu kinh nghiệm và nhất là sự chủ quan. Đối với tòa Nhà Trắng, qua chương trình *We The People*, mục đích của cuộc tiếp xúc đã hiển nhiên và mọi người đều phải hiểu, đó là để gặp những đại diện các thành phần xã hội Mỹ và nghe những nguyện vọng của họ. Không nên chờ đợi một nghi thức long trọng. Cũng không nên

chờ đợi những nguyện vọng được thỏa mãn ngay sau cuộc tiếp xúc. Và lại, khi số người đến quá đông thì sự xô bồ là khó tránh khỏi, nhất là khi khối người này lại không thuộc cùng một đoàn thể, thậm chí không biết nhau.

Và tại sao lại có nhiều người đòi được vào trong Nhà Trắng như vậy ? Giới chức Nhà Trắng chắc chắn đã phải ngạc nhiên khi nghe nói rằng trong khối người đến gặp họ, không ai lãnh đạo ai cả. Khi nhìn rừng cờ vàng, họ cũng khó có thể không nghĩ rằng đây là những người không hướng về tương lai mà chỉ gắn bó với một chế độ đã cáo chung một cách không vinh quang từ 37 năm rồi, một chế độ mà họ không đánh giá cao và đã bỏ rơi dù đã tốn nhiều xương máu để bảo vệ. Nếu chúng ta muốn được kính trọng thì chúng ta cũng phải cho thế giới thấy lý do để kính trọng chúng ta.

Chắc chắn sự hiểu biết tâm lý và cách làm việc của chính quyền Mỹ đã là nguyên nhân của sự chọn lựa, hoặc sự chấp nhận, để cuộc gặp gỡ diễn ra như là một cuộc gặp gỡ với giới lãnh đạo trẻ của cộng đồng người Việt tại Mỹ, dù điều này không phù hợp với tinh thần của thư thỉnh nguyện. Chọn lựa này đã gặp nhiều phản đối. Nhưng đây cũng đúng là một vấn đề. Mục tiêu là để chứng tỏ với chính quyền Mỹ rằng tuổi trẻ Việt Nam tại Mỹ vẫn còn gắn bó với đất nước Việt Nam và cộng đồng người Việt tại Mỹ.

Nhưng tại sao lại cần chứng tỏ ? Đó chính là vì tuổi trẻ Việt Nam lớn lên tại Mỹ, cũng như tại mọi nước phương Tây nói chung, đã mất đi nhanh chóng căn cước Việt Nam và những ưu tư đối với Việt Nam. Kết quả cụ thể trong cuộc tiếp xúc này là sự hiện diện của những người trẻ và những điều họ nói đã không giúp đạt mục tiêu mà chỉ xác nhận hồ sơ cách thế hệ. Nhưng có thể nào khác được không, khi mà phần lớn những hoạt động của cộng đồng không hướng về tương lai mà chỉ hướng về một quá khứ mà tuổi trẻ không biết đến và dù có biết cũng không có lý do để tự hào ?

Thay vì trách cứ SBTN và BPSOS chúng ta nên bình tĩnh nhận định rằng với tình trạng cộng đồng người Việt tại Mỹ hiện nay làm được những gì họ đã làm cũng đã là thành công rồi. Và nên coi đây là một dịp để suy nghĩ và rút kinh nghiệm.



Thông Luận

Trí thức là một khái niệm chính trị

Nguyễn Gia Kiểng

Cuộc thảo luận về trí thức Việt Nam gần đây khá sôi nổi. Đó là một điều đáng mừng vì nó có thể báo hiệu sự xuất hiện của một lớp người phải có nhưng đến nay chúng ta vẫn chưa có : trí thức. Nguyên nhân của sự thiếu vắng này chính là vì chúng ta thiếu thảo luận nghiêm chỉnh về trí thức. Cuộc thảo luận này, dù có những sai lầm trong một số phát biểu, cũng rất có ích. Một sai lầm được trình bày ra công luận sẽ được chỉnh sửa thay vì được giữ nguyên và tiếp tục truyền bá theo quan hệ, uy tín và ảnh hưởng của người hiểu lầm. Một trong những ngộ nhận lớn vừa được bộc lộ là nhiều người vẫn chưa hiểu rằng trí thức là một khái niệm chính trị.

Trước hết thế nào là một trí thức ? Có bao nhiêu nhà tư tưởng đặt ra câu hỏi này thì có bấy nhiêu câu trả lời. Cũng tương tự như từ "triết học" mà nó có quan hệ khá gần gũi, khái niệm "người trí thức" không có một định nghĩa được mọi người chấp nhận. Tuy nhiên ngay cả người bình thường cũng có thể nhận định khá đúng ai là trí thức, ai không phải là trí thức trong những trường hợp cụ thể. Thí dụ như một người dân thường cũng có thể đánh giá một người có học vị và địa vị cao nhưng quy lụy chạy theo danh lợi là không phải trí thức. Ở đây trí thức là một *thái độ*. Trong một trường hợp khác, trí thức có thể là một *trình độ* ; người ta có thể nói "như thế cũng được rồi, ông ta không phải là một trí thức" để bào chữa cho một phát biểu thiếu sáng sủa và chính xác.

Baruch Spinoza (1632-1677) là một triết gia và một trí thức lớn. Ông bị cộng đồng người Do Thái tại Hòa Lan khai trừ và cô lập vì phản bác một số tín điều của đạo Do Thái. Ông cũng không được những người Công Giáo và Tin Lành chấp nhận vì bị coi là vô thần. Ông bị ruồng bỏ bởi cả cộng đồng người Do Thái lẫn xã hội Hòa Lan. Ông sống cô đơn và nghèo khổ tại Amsterdam bằng nghề thợ mài kính. Có lúc bị bạo hành. Spinoza hiền lành và nhút nhut nhưng vẫn quyết tâm giữ lập trường của mình bằng mọi giá. Ngoài công việc nghề nghiệp bắt buộc, Spinoza dành trọn cuộc đời cho học hỏi, suy nghĩ và viết. Cuốn "Đạo Đức" (*Ethica Ordine Geometrico Demonstrata*) được coi là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất về đạo đức học. Ông cũng viết về nhiều đề tài triết học khác. Do nghề mài kính, Spinoza hít phải nhiều bụi kính và chết vì bệnh phổi. Ông chết an nhiên, không hối tiếc, không sợ hãi cũng không hờn giận. Cả thế kỷ sau khi ông qua đời người ta mới đánh giá đúng tư tưởng của ông và tôn vinh ông. Đồng ý hay không với ông, không ai phủ nhận Spinoza là một nhân cách và một trí thức lớn.

Spinoza được coi là một trí thức lớn vì ông là người không những có kiến thức lớn và những tư tưởng đặc sắc - nếu chỉ có thế thì ông chỉ là một triết gia - mà còn có can đảm phản bác những tín điều thời thượng được áp đặt trong môi trường của ông như những chân lý tuyệt đối và chấp nhận trả giá cho niềm tin của mình. Ngược lại ít ai coi Galileo (1564-1642) là một trí thức dù ông là một nhà bác học rất lớn vì Galileo đã run sợ trước quyền lực của giáo hội công giáo La Mã và phủ nhận khám phá lớn của chính ông, đó là trái đất xoay quanh mặt trời chứ không phải mặt trời xoay quanh trái đất như mọi người tin vào lúc đó. Đặc tính khiến Spinoza, khác với Galileo, được coi là trí thức là ở chỗ ông

đã dám phát biểu những điều mình nghĩ là đúng, dù trái ngược với lập trường chính thống và chấp nhận trả giá cho ý kiến của mình.

Một trong những trí thức vĩ đại đầu tiên của thế giới là Socrates sống vào cuối thế kỷ thứ 5 trước Công Nguyên. Socrates đã kích gay gắt chế độ dân chủ vừa được tái lập tại Athens và bị chế độ dân chủ này xử án tử hình. Socrates đã lầm về tư tưởng chính trị. Ông phê phán rất đúng những thiếu sót của chế độ dân chủ Athens lúc đó, nhưng ông đã không nhận định được một điều là các chế độ dân chủ có khả năng sửa chữa những thiếu sót và tự cải tiến trong khi chế độ độc tài sáng suốt của những "vua hiền triết" mà ông chủ trương vừa không thể có vừa độc hại nếu được vận nhất được thiết lập. Nhưng Socrates đã lý luận một cách lương thiện, đã dám phản bác quyền lực chính trị nhân danh những lý luận đó và đã chấp nhận thà chết chứ không bỏ lập trường của mình. Theo truyền thuyết ông đã tuyên bố khi phiên tòa kết thúc rằng : "Bây giờ chúng ta chia tay, để quý vị tiếp tục sống còn tôi để chết. Ai đúng chỉ có Trời biết, nhưng một cuộc đời không suy luận là một cuộc đời không đáng sống". Hậu thế đã tôn vinh Socrates, dù ông nghĩ sai về chế độ chính trị tốt nhất, vì ông đã dám chết để giữ ý kiến của mình. Ngược lại, chế độ dân chủ Athens đã hoàn toàn sai khi bách hại Socrates vì ý kiến của ông. Phẩm cách trí thức và triết gia của Socrates còn thể hiện một cách cao cả trong câu "ai đúng chỉ có Trời biết" ; Socrates không quá quyết là mình chắc chắn đúng, nhưng vẫn chấp nhận chết cho ý kiến của mình.

Hai mẫu mực trí thức trên đây cho phép nhận ra một số nét đậm của một trí thức. Cả hai đều là những người có trình độ hiểu biết và lý luận cao, dù cả hai đều không có bằng cấp nào cả. Đó cũng là những người suy nghĩ và lý luận một cách lương thiện, nghĩa là lý luận để tìm đến một kết luận hợp lý chứ không lý luận để biện minh cho một kết luận đã có sẵn, bị áp đặt hoặc tự áp đặt. Và, quan trọng hơn, dám sống trung thực với lập trường của mình bằng mọi giá.

Hai nét đậm cần được đặc biệt lưu ý : cả hai đều dấn thân về mặt chính trị nhân danh cái đúng và cả hai đều phản kháng luồng tư tưởng chính thống. Trường hợp Socrates đã rõ ràng nhưng trường hợp Spinoza cũng không khác. Ở vào thời đại của ông, tôn giáo và chính trị chỉ là một : trong cộng đồng Do Thái, giáo lý Do Thái là luật ; trong xã hội Hòa Lan, và Châu Âu nói chung, thánh kinh Thiên Chúa Giáo là hiến pháp. Họ đi đến tư tưởng phản kháng vì biết tự đặt cho mình những câu hỏi và tìm câu trả lời cá nhân của mình cho những câu hỏi đó ; họ suy tư một cách độc lập, bằng cái đầu của chính mình.

Dấn thân chính trị và phản biện là cốt lõi và cũng là *định nghĩa* của người trí thức. Thực vậy, nếu khái niệm trí thức và những con người trí thức đã có từ rất lâu thì danh từ "người trí thức" - *l'intellectuel* - chỉ thực sự xuất hiện trong tiếng Pháp vào cuối thế kỷ 19 cùng với vụ án Dreyfus. Dreyfus là tên một sĩ quan Pháp gốc Do Thái bị buộc tội phản quốc một cách oan ức vì tình thân bài Do Thái lúc đó. Một số nhân vật tên tuổi, trong đó có văn hào Emile Zola, đã bất bình và lên tiếng bênh vực Dreyfus nhân danh

công lý. Họ bị phe chống Dreyfus gọi một cách mỉa mai là "những trí thức", *les intellectuels*, hàm ý là ưa cãi lý. Họ đã thản nhiên chấp nhận danh xưng này và tiếp tục bênh vực Dreyfus. Cuộc tranh luận gay go đã kéo dài gần mười năm và cuối cùng họ đã thắng. Từ một thiểu số không đáng kể chống lại cả một chế độ lúc ban đầu, họ đã dần dần được hưởng ứng và thuyết phục được dư luận, buộc chính quyền Pháp phải hủy bỏ bản án và phục hồi danh dự cho Dreyfus.

Các từ để chỉ người trí thức trong các ngôn ngữ khác đều dịch từ tiếng Pháp, kể cả từ "trí thức" trong tiếng Việt. Từ đó "trí thức" luôn luôn gắn liền với phản biện chính trị, hoặc để chống lại một chính quyền hoặc để chống lại một ý thức hệ thời thượng. Trong tiếng Anh, từ *intellectual* có nghĩa khác nhau tùy theo được dùng như tính từ hay danh từ. Tính từ

intellectual khá phổ biến và có nghĩa là trí tuệ, để chỉ những gì do trí óc mà có, thí dụ như *intellectual property* có nghĩa là quyền sở hữu trí tuệ. Danh từ

intellectual ít được sử dụng và thường có nghĩa là những người không lao động tay chân, những *non-manual workers*; trong giới hiểu biết nó vẫn giữ ý nghĩa và nguồn gốc Pháp của nó. Tại Việt Nam, do sự kiện từ "trí thức" được du nhập trong khi chưa có những người trí thức đúng nghĩa, nó dần dần biến chất và thường được dùng để chỉ những người có bằng cấp tương đối cao.

Vì xuất phát từ Pháp nên cuộc tranh luận "thế nào là một người trí thức?" đã sôi nổi nhất tại Pháp. Các nhà tư tưởng của Pháp đã đưa ra nhiều định nghĩa cho người trí thức. Các định nghĩa này không mâu thuẫn với nhau, chúng chỉ nhấn mạnh những điểm khác nhau. Theo J-P. Sartre, người trí thức trước hết là người quan tâm đến những chuyện của xã hội, ngay cả khi cá nhân mình không bị đụng chạm, hàm ý là người dân thân chính trị. Raymond Aron định nghĩa người trí thức là người sáng tạo ra những ý kiến mới đồng thời cũng là một "khán giả nhập cuộc". Chúng ta sẽ bàn sau về nhận định này. Nhiều người dùng lại định nghĩa con người công chính của Diderot, theo đó trí thức là người từ chối sự im lặng đồng lõa và lên tiếng tố giác bất công và tội ác. Albert Camus, giải Nobel văn chương năm 1957, định nghĩa trí thức như là người đứng về phía những người bị trị thay vì những người thống trị. Nói chung, có một đồng thuận là trí thức phải là người phản kháng hoặc sẵn sàng phản kháng. Không thể khác, chức năng của trí thức là cải thiện và đổi mới, nghĩa là phản bác cái hiện có để cổ vũ cho cái phải có hoặc nên có.

Không nên lẫn lộn "trí thức" với những vai trò khác trong xã hội, như học giả, nhà văn, chuyên gia, nhà khoa học v.v. Những người này là trí thức hay không tùy theo họ có hiểu biết về những vấn đề chính trị xã hội và có sẵn sàng lên tiếng hay không. Tư cách trí thức chỉ đặt ra đối với những người có quan tâm chính trị và xã hội. Càng không nên lẫn lộn trí thức với cụm từ Mác-Lênin "lao động trí óc". Hai danh xưng này không chỉ khác nhau mà còn đối chọi với nhau. Người trí thức chủ yếu là trí thức ngoài công việc "lao động" hàng ngày, có thể đã nghỉ hưu, thậm chí có thể là trí thức trên giường bệnh hay trong nhà tù. Tôi biết chuyện một sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hòa trong trại cải tạo, sau chiến thắng cộng sản 1975, vẫn tiếp tục tranh luận rằng chủ nghĩa cộng sản

là sai cho đến khi bị xử bắn. Anh ta là một trí thức. Một người là trí thức khi quan tâm tới những vấn đề chính trị và xã hội và sẵn sàng phản bác những bất công và vô lý để cổ vũ cho lẽ phải và công lý.

Các chế độ cộng sản toàn trị không chấp nhận sự phản kháng, do đó chúng phủ nhận vai trò trí thức. Đừng nên quên rằng đã có một thời mà khẩu hiệu của các chế độ cộng sản (không riêng gì tại Việt Nam) là "*trí, phú, địa, hào đào tận gốc tróc tận rễ*". Họ chủ trương diệt trí thức để tiêu diệt mọi mầm mống chống đối. Đối với họ, chỉ có những người lao động, lao động chân tay và lao động trí óc. Chỉ gần đây thôi họ mới thừa nhận sự hiện hữu của các trí thức, nhưng lại đồng hóa trí thức với thành phần lao động trí óc chứ vẫn không nhìn nhận trí thức như một thành phần chính

trị và xã hội. (Cũng nên lưu ý một điều là nghị quyết 27 NQ/TW năm 2008 của ĐCSVN định nghĩa trí thức là những người lao động trí óc "*có năng lực tư duy độc lập*", như vậy cũng gián tiếp

nhìn nhận đặc tính phản biện của trí thức). Nhưng cụm từ "lao động trí óc" tự nó đã trở thành vô nghĩa. Ngày nay trong các nước phát triển, tuyệt đại đa số công nhân không còn làm việc bằng chân tay. Một nhân viên sở thuế, một thư ký tòa án, một chuyên viên chế tạo các trò chơi điện tử, một tài xế đường sắt cao tốc v.v. đều "lao động trí óc" cả, nhưng không phải vì thế mà họ là những trí thức. Trí thức là một khái niệm chính trị.

Tóm lại nếu phải định nghĩa người trí thức thì ta có thể nói: *trí thức là những người do được đào tạo hay tự học đã đạt tới một trình độ hiểu biết và lý luận trên trung bình, quan tâm tới những vấn đề chính trị và xã hội, suy nghĩ một cách lương thiện, biết tự đặt cho mình những câu hỏi và tìm câu trả lời của mình cho những câu hỏi đó và sẵn sàng thách thức mọi thế lực để bảo vệ quan điểm của mình. Người trí thức phải suy nghĩ một cách độc lập và do đó không thể chấp nhận một sự chỉ đạo tư tưởng nào cả.*

Còn lại vấn đề mà Raymond Aron nêu ra khi ông định nghĩa trí thức như những "khán giả nhập cuộc". Tại sao không là tác nhân, hay diễn viên, mà lại là khán giả? Đó là vì trong hành động người ta bắt buộc phải thỏa hiệp với thực tế, điều mà trên nguyên tắc người trí thức không thể làm. Các chế độ Bắc Cao Ly và Syria hiện nay là những chế độ tội ác gớm ghiếc nhưng chúng có sức mạnh quân sự và cũng được Nga và Trung Quốc che chở, không thể xóa bỏ chúng một cách dứt khoát và tức khắc. Những người dân chủ Việt Nam và Trung Quốc cũng phải đối đầu với các chính quyền hung bạo nhưng đầy phương tiện và được thế giới nhìn nhận. Trừ khi chọn giải pháp bạo lực vừa điên rồ vừa vô vọng, họ cũng phải chấp nhận rằng lộ trình dân chủ hóa sẽ phải đi qua những thỏa hiệp giai đoạn. Tuy vậy, thỏa hiệp cũng là hy sinh, dù chỉ là một phần và tạm thời, những đòi hỏi chính đáng, do đó mâu thuẫn với thái độ trí thức.

Người trí thức có hai chọn lựa. Hoặc không hành động để khỏi phải thỏa hiệp và phát biểu trọn vẹn lập trường của mình, nghĩa là làm một khán giả, nhưng một khán giả nhập cuộc vì dứt khoát ủng hộ cuộc vận động dân chủ. Hoặc là tham gia vào một tổ chức dân chủ và chấp nhận những thỏa hiệp mà tổ chức bắt buộc phải làm,

trong trường hợp này người trí thức nhập cuộc và hành động chỉ là khán giả của những thỏa hiệp. Điều quan trọng là phải ý thức rằng *chỉ có tổ chức mới bị bắt buộc và mới có quyền thỏa hiệp* ; đối với một cá nhân, thỏa hiệp là từ bỏ cương vị trí thức và tự đánh mất mình.

Việt Nam có trí thức không ?

Chúng ta đang đứng trước sự thách đố xác xược của một chính quyền tham nhũng trắng trợn chà đạp nhân quyền và xã hội dân sự. Trên thực tế, đảng cộng sản cư xử như một lực lượng chiếm đóng áp đặt sự thông trị của họ lên nhân dân Việt Nam. Dân thân đầu tranh cho dân chủ là mệnh lệnh của lương tâm và phẩm giá, điều này không cần và cũng không thể bàn cãi. Người trí thức Việt Nam chỉ có thể là người phản kháng, theo một trong hai chọn lựa vừa trình bày. Nếu hiểu như thế thì dù nhân nhượng coi trí thức là người trong phần lớn các trường hợp, chứ không cần mọi lúc và mọi nơi, hành xử đúng theo tiêu chuẩn trí thức trên đây, chúng ta vẫn phải nhìn nhận rằng Việt Nam có rất ít trí thức, quá ít để có thể nói tới một tầng lớp trí thức.

Người trí thức phải là người dân thân chính trị nhưng những người dân thân chính trị quá ít, và trong số những người hoạt động chính trị một tỷ lệ khá lớn cũng không phải là trí thức. Đa số những người mà chúng ta gọi là trí thức thực ra chỉ là những "chuẩn trí thức", nghĩa là những người có kiến thức và khả năng lý luận. Với một cô gắng học hỏi vừa phải, họ có thể hiểu biết về chính trị và, nếu dám sống thực nói thẳng, có thể trở thành những người trí thức. Nhưng cô gắng này họ không chịu làm vì họ có thành kiến là chính trị không cần phải học. Bất cứ ai hễ có quyền lực hoặc có bằng cấp cũng cảm thấy có đủ tư cách để nói về chính trị một cách đầy tự tin.

Thái độ vô lễ với kiến thức chính trị này là một di sản văn hóa và lịch sử. Trong hàng nghìn năm, giai cấp sĩ, tiền thân của những người được coi hoặc tự coi là trí thức hiện nay, là một loại người vừa vô học vừa vô đạo về mặt chính trị. Họ không phải là trí thức mà còn là cái ngược lại của trí thức. Nghị luận đối với họ chỉ là tìm mọi lý lẽ để biện hộ cho trật tự chính trị sẵn có. Đó là những người mà mộng đời là được làm tay sai không điều kiện cho các bạo quyền để hà hiếp và bóc lột những người dân cùng khổ. Họ dành cả cuộc đời để học những kinh điển cũ kỹ không liên quan gì tới thực tế và được bổ nhiệm làm quan cai trị sau khi đậu những khóa thi thơ phú. Trình độ hiểu biết về sinh hoạt xã hội của họ còn thấp hơn quần chúng. Sau đó là chế độ cộng sản, trong đó "tư tưởng chính trị" duy nhất được giảng dạy là chủ nghĩa Mác-Lênin, một chủ nghĩa khủng bố, và trong đó những người có chút kiến thức chỉ có vai trò "lao động trí óc", nghĩa là làm những dụng cụ ngoan ngoãn cho chính quyền. Chúng ta không có văn hóa chính trị. Truyền thống chính trị của chúng ta coi làm chính trị chỉ là để làm quan và làm quan không cần kiến thức chính trị vì chỉ có quyền trên người dân chứ không có trách nhiệm với người dân. Chỉ có "chức quyền" chứ không có "chức trách".

Di sản đó còn để lại một tật nguyên trí tuệ lớn khác. Đó là phần lớn những người có học vị và địa vị không lý luận một cách lành mạnh. Họ không lý luận để tìm một kết luận đúng mà thường chỉ lý luận để biện hộ cho một kết luận có sẵn. Một nhà khoa học lớn nói rằng người trí thức là người lao động trí óc, không liên hệ gì với phản biện. Phát biểu này chứng tỏ rằng ông không hề bỏ thời

giờ tìm hiểu thế nào là người trí thức. Ông nói như thế chỉ vì ông có những lý do khác để không muốn phản biện. Một nhân sĩ có tên tuổi khác tuyên bố rằng không cần phải bỏ vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản đối với trí thức mà chỉ cần nới lỏng.

Nhưng làm sao có thể suy nghĩ một cách độc lập và sáng tạo nếu bị "lãnh đạo" ? Hơn nữa, lý do để phải bỏ sợi dây xích tròng vào cổ trí thức đâu phải vì nó xiết quá chặt làm đau cổ ! Sợi dây xích làm nhức, và làm thui chột trí tuệ, trước khi làm đau. Vị nhân sĩ này nói như thế vì không muốn bị coi là "chống đảng" với những hậu quả bất lợi. Một vị khác nói rằng người Việt hải ngoại không còn thắc mắc về chế độ chính trị tại Việt Nam nữa. Cũng là một phát biểu thực dụng để làm vừa lòng chính quyền dù hoàn toàn sai. Tác giả bài này đã nhiều lần nhận định rằng chúng ta thiếu một tầng lớp trí thức chính trị. Đó là một cách nói để tránh đụng chạm. Thực ra phải nói một cách ngắn gọn là chúng ta thiếu trí thức bởi vì trí thức là một khái niệm chính trị. Không có trí thức phi chính trị.

Tại sao Việt Nam lại là Việt Nam như hiện nay ?

Chúng ta là một dân tộc cần mẫn với một địa lý thuận lợi, nhưng tại sao thu nhập trung bình của một người Việt Nam lại chỉ bằng một phần mười mức trung bình thế giới ? Chúng ta tự hào có bốn nghìn năm lịch sử nhưng tại sao Việt Nam lại nằm trong danh sách ít ỏi của các dân tộc chưa có tự do ? Tại sao chúng ta phải trải qua ba mươi năm chiến tranh đẫm máu để chỉ chuốc lấy kết quả là nghèo khổ, lạc hậu và độc tài ? Cùng một lý do : chúng ta đã không có lãnh đạo thông minh, và chúng ta không có lãnh đạo thông minh vì chúng ta thiếu những trí thức đúng nghĩa, trí thức chính trị.

Và tại sao hiện nay Việt Nam vẫn chưa chuyển động trong khi các dân tộc Trung Đông, Châu Phi, Châu Á dũng cảm đứng lên đòi dân chủ ? Đó là vì cuộc đấu tranh đổi đời nào cũng phải do trí thức chủ xướng và lãnh đạo. Nhưng chúng ta quá thiếu trí thức. Chúng ta thiếu cái mà một dân tộc không thể thiếu. Trong mọi nước và mọi thời trí thức luôn luôn là đầu tàu của xã hội, và điều này càng đúng trong kỷ nguyên trí thức này.

Giải thích thế nào sự thiếu vắng này ? Chắc chắn không phải vì chúng ta thiếu trí tuệ. Rất nhiều người Việt Nam thừa sức học hỏi để biết dân chủ là gì và phải đấu tranh cho dân chủ như thế nào nếu thực sự muốn. Cũng không phải vì chế độ cộng sản đàn áp quá hung bạo. Thành trì của chế độ hiện nay đã đủ rệu rã và các phương tiện truyền thông đã đủ mạnh để người trí thức có thể nói hết những điều mình cần nói. Với một chút thận trọng và khôn ngoan họ cũng có thể kết hợp với nhau thành lực lượng. Vấn đề thực sự chỉ là họ có muốn hay không, nói cách khác họ có phải là những trí thức đúng nghĩa hay không. Và lại tại hải ngoại có hàng trăm ngàn người tốt nghiệp đại học không hề bị chính quyền cộng sản khống chế nhưng cũng vẫn không có nổi một lực lượng dân chủ có tầm vóc.

Muốn hay không muốn không phải là một vấn đề của lý luận mà là một vấn đề của tình cảm và ý chí. Thực tế phũ phàng là đại đa số những người Việt Nam được gọi là trí thức không mấy quan tâm đến đất nước và đồng bào họ. Khó có lý luận nào thuyết phục được họ từ bỏ sự vô cảm này, trừ tiếng nói nội tâm của chính họ.

Nguyễn Gia Kiểng
(tháng 3/2012)

Nói chuyện với Nguyễn Gia Kiểng

Trí thức Việt Nam đã làm tròn trách nhiệm hướng dẫn quần chúng chưa ?

Ban biên tập Dân Luận thực hiện

LTS : Thời gian vừa qua, trên các trang báo mạng đã có nhiều tranh luận xung quanh chủ đề về "Trí thức Việt Nam". Thế nào là một trí thức đúng nghĩa ? Vai trò và trách nhiệm của trí thức đối với sự phát triển của xã hội ra sao ?... Chắc chắn sẽ còn tiếp tục được dư luận mổ xẻ. Một năm về trước, báo *Dân Luận* đã tổ chức một cuộc "Hội luận với Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên" (THDCĐN), đây là một cơ hội tốt để mọi người tìm hiểu về THDCĐN và cũng là cơ hội quý báu để THDCĐN trình bày những quan điểm và đề nghị của mình đối với nhân dân Việt Nam (xem <http://danluan.org/node/8026>).

Trong rất nhiều câu hỏi của độc giả gửi đến THDCĐN, có những câu hỏi gửi trực tiếp cho ông Nguyễn Gia Kiểng, đa số có nhiều liên quan đến vai trò của người trí thức Việt Nam. Chúng tôi xin trích đăng lại hai câu hỏi cuối (9 và 10) trong phần hai của cuộc Hội luận và phần trả lời của ông Nguyễn Gia Kiểng với hy vọng đón nhận những đóng góp sâu sắc hơn về vai trò của người trí thức Việt Nam hiện nay.

Câu hỏi 9 :

Tôi xin hỏi ba câu đến ông Nguyễn Gia Kiểng, một người mà tôi ngưỡng mộ :

1. Chính quyền nên đóng vai trò dẫn dắt hay công cụ để tiến tới một quốc gia giàu mạnh ?

2. Khi nào thì trí thức nên độc lập với chính quyền, lúc nào thì nên tham gia ? Trí thức hải ngoại hiện nay nên về nước hay ở nước ngoài ?

3. Vì sao rất nhiều quốc gia lật đổ được độc tài mà không thoát khỏi số phận èo uột, nghèo đói, kém hạnh phúc ?



Nguyễn Gia Kiểng trả lời :

Bạn Hy Văn và BBT Dân Luận thân mến,

Trước hết xin cảm ơn thiện cảm mà bạn đã dành cho THDCĐN và cá nhân tôi. Xin được bắt tay bạn. Chúng ta là anh em.

Sau đây xin góp ý về ba vấn đề bạn đặt ra. Cả ba đều là những vấn đề đã được thảo luận trong THDCĐN, bởi vì đây là những vấn đề lớn và quan trọng mà mọi tổ chức dân chủ đều phải có lập trường. Trong cuộc trao đổi này mong bạn coi những ý kiến mà tôi sẽ trình bày như là những ý kiến được đưa ra để chờ đợi những ý kiến khác.

1. Chính quyền nên đóng vai trò dẫn dắt hay công cụ để tiến tới một quốc gia giàu mạnh ?

Về vai trò của chính quyền, tùy theo góc nhìn mà chính quyền - được hiểu như là đồng nghĩa với nhà nước và bao gồm mọi định chế và cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp - đóng vai trò lãnh đạo hay công cụ. Dưới góc nhìn triết lý chính trị, chính quyền dân chủ, hay nhà nước dân chủ, là dụng cụ để tổ chức sự thực hiện các quyền tự do cá nhân, để tự do của người này không lấn áp tự do của người khác, nhưng tự do của người này cũng chỉ dừng lại để tự do của người khác có thể bắt đầu. Tuy vậy ngay cả dưới góc nhìn triết lý đó, nhà nước cũng vẫn có vai trò tối quan trọng : hòa giải các đòi hỏi mâu thuẫn của các thành phần xã hội, trọng tài các tranh chấp và chế tài các vi phạm. Đừng quên một đặc điểm cốt lõi của chính quyền là có độc quyền sử dụng bạo lực hợp pháp.

Khi nói đến vai trò của nhà nước "để tiến tới một quốc gia giàu mạnh", chắc là bạn đặc biệt quan tâm đến kinh tế. Về phương diện kinh tế, vai trò lãnh đạo của chính quyền là hiển nhiên và có thể thay đổi tùy theo mức độ phát triển. Nói chung thì mức độ phát triển càng cao thì trọng lượng tương đối của nhà

nước càng ít cần thiết và có thể giảm nhẹ, nhưng đẳng nào thì vai trò của nhà nước cũng rất quan trọng. Ngoài quyền ban hành những luật lệ qui định sinh hoạt kinh tế, nhà nước còn giữ ba phương tiện quyết định để can thiệp vào kinh tế : thuế, lãi suất cơ bản và các chi tiêu công cộng.

Quan điểm của THDCĐN là đẳng nào vai trò của nhà nước cũng rất quan trọng nên cần có một tư thường trực là giữ tầm vóc của nhà nước ở mức độ tối thiểu cần thiết, tránh hết sức một nhà nước kênh cang, nhưng không gian tối đa cho xã hội dân sự, ý kiến và sáng kiến. Những gì tư nhân có thể làm nhà nước sẽ không làm. Nhà nước tập trung cố gắng làm những điều cần thiết hoặc có ích mà tư nhân không làm được hoặc chưa làm được. Chúng tôi gọi chủ trương đó là chủ trương nhà nước nhẹ.

Vai trò của nhà nước là một trong những đề tài đã được thảo luận và tranh luận nhiều nhất và sẽ còn tiếp tục được bàn cãi. Theo tôi, nó sẽ là một trong những điểm nóng nhất trong cuộc tranh cử tổng thống sắp tới tại Mỹ, nơi có nền dân chủ được coi là vững chắc nhất. Những tranh luận về vai trò của nhà nước sẽ không bao giờ chấm dứt, tuy vậy chúng không được làm ta quên đi một điều còn quan trọng hơn sự kiện vai trò của nhà nước nặng hay nhẹ, đó là nhà nước phải lương thiện. Một nhà nước tham nhũng luôn luôn là một tai họa.

2. Khi nào thì trí thức nên độc lập với chính quyền, lúc nào thì nên tham gia ? Trí thức hải ngoại hiện nay nên về nước hay ở nước ngoài ?

Câu đầu của bạn chủ yếu đặt ra cho trí thức trong nước, câu sau chỉ riêng cho trí thức ở nước ngoài. Cả hai đều là những vấn đề lớn.

Nếu muốn nói một cách thật giản lược thì trong một xã hội dân chủ (mà chúng ta muốn hướng tới) có ba không gian sinh hoạt : một không gian cá nhân, một không gian công quyền và một không gian xã hội dân sự.

Không gian cá nhân, có thể gọi nôm na là "đời tư" và được qui định bởi các quyền tự do căn bản của con người, hoàn toàn thuộc mỗi cá nhân và không thể bị xâm phạm.

Không gian công quyền gồm các định chế của nhà nước.

Không gian xã hội dân sự, gồm các kết hợp hay tổ chức của người dân không tùy thuộc chính quyền, là vùng trái độn ở giữa, nơi chính quyền cũng như các cá nhân đều có thể tham gia trong một tương quan bình đẳng không phân biệt người cai trị với kẻ bị

trị. Xã hội dân sự là vòng đai phòng thủ bên ngoài của tự do cá nhân đồng thời cũng là môi trường sản xuất ý kiến và sáng kiến.

Trong các chế độ độc tài, không gian cá nhân và không gian xã hội dân sự bị thu hẹp trong khi không gian công quyền quá lớn. Trong các xã hội độc tài toàn trị, không gian cá nhân càng bị thu hẹp hơn, còn xã hội dân sự hầu như bị xóa bỏ.

Hiểu như thế thì người trí thức luôn luôn phải giữ lấy một không gian cá nhân, ngay cả khi tham gia chính quyền. Ngay chính vị thủ tướng hay tổng thống, nếu là một trí thức, cũng phải giữ một mức độ độc lập nào đó đối với chính quyền. Ai cũng phải có những lúc độc lập với chính quyền, đặc biệt là trong lúc suy tư và sáng tạo. *Suy nghĩ bằng cái đầu của chính mình là một bất buộc của trí thức.*

Đó là nói một cách lý thuyết. *Trong thực tại Việt Nam hiện nay thì người trí thức Việt Nam không những phải độc lập mà còn phải đối lập với chính quyền này.* Sự thực không thể chối cãi là chúng ta đang có một chính quyền quá thô bạo và tham nhũng. Một người trí thức lương thiện không có một lý do nào để không đối lập với nó cả. Đối lập một cách ôn hòa, trách nhiệm và xây dựng, nhưng phải đối lập vì đó là mệnh lệnh của lương tâm và lòng yêu nước.

Còn lúc nào thì nên tham gia ? Chắc chúng ta đều đồng ý không coi những người làm việc chuyên môn trong các công ty quốc doanh là "tham gia chính quyền". Theo tôi, chỉ có hai trường hợp : một là không thể từ chức vì sinh kế hay vì an ninh cho cá nhân hoặc gia đình ; hai là để thúc đẩy sự chuyển hóa về dân chủ ngay từ bên trong. *Trong trường hợp thứ nhất phải hiểu là mình đang làm một chọn lựa bất đắc dĩ và nên ứng xử một cách phù hợp. Trường hợp thứ hai chỉ có thể hình dung được nếu đồng thời cũng đã tham gia một tổ chức dân chủ, còn nếu chỉ đơn độc thì hy vọng cải hóa chế độ từ bên trong chỉ là một sai lầm, mình tự đánh mất mình và góp phần củng cố chế độ chứ không thay đổi được nó.*

Còn câu hỏi trí thức hải ngoại hiện nay nên về nước hay ở nước ngoài, tôi nghĩ tùy trường hợp cá nhân của mỗi người mà về nước hay ở nước ngoài có lợi hơn cho đất nước và cho cuộc vận động dân chủ.

Một thành kiến nên được gạt đi là phải ở trong nước mới phục vụ được đất nước. Chúng ta đang sống trong một thế giới toàn cầu hóa với những phương tiện truyền thông mãnh liệt. Người ta có thể làm việc một cách trực tiếp và tức khắc với những người ở cách xa nửa vòng trái đất. Khoảng cách gần như đã biến mất. Ở bất cứ đâu người ta cũng có thể đóng góp cho đất nước. THDCĐN coi quốc gia như một không gian liên đới, một tình cảm và một dự án tương lai chung. Trong quan niệm đó, người ta có thể ở Los Angeles và có quốc tịch Mỹ mà vẫn là người Việt Nam, ngược lại người ta cũng có thể ở Hà Nội mà không còn là người Việt, nếu không còn cảm thấy có một tình cảm và một trách nhiệm nào đối với dân tộc và đất nước Việt Nam.

Ngoài ra, đặt vấn đề trí thức Việt Nam nên về nước hay không còn có thể dẫn đến một nhận thức sai là chúng ta có quá nhiều người ở nước ngoài. Thực ra chúng ta có quá ít. Cộng đồng hải ngoại có

vai trò rất cần thiết cho mọi quốc gia. Đó là những đầu cầu văn hóa, khoa học, kỹ thuật, thương mại rất có lợi và rất cần. Đó cũng là con mắt của các dân tộc để quan sát và học hỏi ở thế giới. Các dân tộc tiến lên mạnh mẽ gần đây cũng cậy nhờ rất nhiều ở những cộng đồng hải ngoại hùng hậu.

Một cách cụ thể, với 90 triệu dân chúng ta nên có một cộng đồng người Việt hải ngoại khoảng 9 hay 10 triệu người. Hiện nay, trên thống kê, chúng ta có khoảng ba triệu rưỡi người Việt ở nước ngoài. Quá ít. Đã thế, một phần đáng kể lại là người Việt gốc Hoa, nhiều người sau khi ra nước ngoài trở thành người Mỹ, hay người Pháp, người Úc gốc Hoa chứ không còn ràng buộc với Việt Nam nữa. Một số đồng bào người Việt cũng hội nhập sâu vào nước tạm cư và chỉ một số rất ít còn ràng buộc với Việt Nam, chủ yếu vì chán ngán chế độ cộng sản và thái độ thô bạo của nó đối với người Việt ở nước ngoài. Số người Việt hải ngoại thực sự còn gắn bó với đất nước chưa chắc đã được một triệu. Chúng ta cần đưa thêm người Việt ra nước ngoài thay vì mong người Việt hải ngoại hồi hương. Một chính quyền Việt Nam dân chủ sẽ phải vận dụng mọi sáng kiến để, một mặt gia tăng số người Việt sinh sống ở nước ngoài, mặt khác siết chặt quan hệ giữa người Việt hải ngoại và đất nước.



3. Vì sao rất nhiều quốc gia lật đổ được độc tài mà không thoát khỏi số phận èo uột, nhược tiểu, kém hạnh phúc ?

Tôi có cảm tưởng là bạn Hy Văn chỉ đặt câu hỏi này để tạo dịp cho tôi nhắc lại một điều mà chúng ta đều biết nhưng dễ quên trong lúc lý luận vì nó quá hiển nhiên. Đó là phải phân biệt điều kiện cần và điều kiện đủ. *Loại bỏ độc tài và thiết lập dân chủ là điều kiện cần để các vấn đề quốc gia được thảo luận và giải quyết một cách đúng đắn và những người trách nhiệm được chọn lựa một cách đúng đắn. Tuy vậy dân chủ không thay thế cho những giải pháp và những con người. Vẫn cần những chọn lựa thông minh và những người giỏi và có văn hóa tổ chức.*

Không chỉ thủ tướng và các bộ trưởng giỏi mà còn cần cả những giáo sư, bác sĩ, kỹ sư, doanh nhân giỏi, nhưng công nhân lành nghề và yêu nghề, những nhà buôn năng động, những nghệ sĩ tài ba v.v. cho một đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Dân chủ tạo điều kiện thuận lợi để có được những con người như thế nhưng không thể thay thế họ.

Câu hỏi 10 :

Cuối cùng là một câu hỏi gửi cá nhân ông Nguyễn Gia Kiểng. Mười năm trước, khi viết cuốn Tổ Quốc Ấn Nãi, ông đã phân tích bệnh tình của văn hóa Việt Nam và đề xuất nhiều biện pháp chữa trị. Vậy theo ông, trong thời điểm hiện tại, văn hóa nước mình đang biến đổi ra sao ? Trong tương lai, nó có thể chuyển hóa thế nào ? Quá trình này ảnh hưởng thế nào đến công cuộc dân chủ hóa ? Theo ông, trí thức Việt Nam đã làm tròn trách nhiệm hướng dẫn quần chúng trong cuộc chuyển đổi văn hóa chưa ?

Nguyễn Gia Kiểng trả lời:



Bạn Tùng thân mến,

Trước hết tôi xin bày tỏ lòng biết ơn và sự cảm phục đối với bạn. Qua những phát biểu trên diễn đàn này, tôi nhận thấy là bạn lý luận rất chính xác và hiểu rất rõ THDCĐN. Nếu bạn ở trong Tập Hợp chắc chắn tôi đã khẩn khoản yêu cầu bạn tham gia cuộc hội luận này với tư cách đại diện THDCĐN. Mong có dịp gặp bạn.

Bạn phân vân : *Xã hội Việt Nam đã chín muồi để nắm bắt cơ hội này chưa ? Chúng ta cần chuẩn bị thêm những gì, để không bị lỡ tàu như hồi 1989 ?* Thú thực anh em chúng tôi trong THDCĐN cũng phân vân như bạn. Theo chúng tôi, xã hội Việt Nam đã chín muồi từ lâu rồi cho một cuộc cách mạng dân chủ. Vấn đề là trí thức Việt Nam chưa sẵn sàng. Tôi đã có nhiều dịp phân tích tình trạng đáng buồn này, gần đây nhất là qua hai bài đã được đăng trên các Web Thông Luận và Dân Luận : "*Ngoại lệ Việt Nam : chế độ cộng sản còn kéo dài tới bao giờ ?*" và "*Chuẩn bị cho một làn sóng dân chủ mới*". Nói chung, trí thức Việt Nam cần đầu tư thêm cố gắng học hỏi vào tư tưởng chính trị và đấu tranh chính trị và cần ý thức rằng đấu tranh chính trị bắt buộc phải là đấu tranh có tổ chức. Nếu trí thức Việt Nam khắc phục được hai khuyết điểm này thì tình hình có thể thay đổi rất nhanh chóng. Đảng nào, dù muốn hay không thì trí thức vẫn phải lãnh đạo cuộc vận động dân chủ.

Bạn hoàn toàn có lý khi phát biểu rằng những gì đang xảy ra tại các nước Ả Rập không chứng tỏ rằng có thể thắng các chế độ độc tài mà không cần có tổ chức. *Trái lại nếu quan sát kỹ, chúng ta còn chứng tỏ thêm một lần nữa rằng xây dựng tổ chức dân chủ phải được dành ưu tiên cao nhất.* Những biến cố đang diễn ra tại các nước này, đặc biệt là tại Tunisia, Ai Cập và Libya, chủ yếu là do mâu thuẫn nội bộ giữa hai lực lượng quân đội và công an. Quân đội đã xúc tác và bảo vệ những cuộc xuống đường đòi dân chủ. Tuy vậy *vì thiếu các tổ chức dân chủ mạnh, tương lai các nước này còn những dấu hỏi lớn.*

Khi nói rằng nguyên nhân chính của những biến cố này là quân đội tôi không coi nhẹ sự tham gia của quần chúng, đặc biệt là thanh niên. Bạn đã nhìn rất đúng, những phương tiện vận động thanh niên như Facebook, Twitter là những vũ khí rất lợi hại. Chúng tôi đã có một nhóm nghiên cứu và huấn luyện sử dụng các dụng cụ này. Facebook Thông Luận đang trong giai đoạn thử nghiệm, vấn đề chính là nội dung các thông điệp chứ không phải là kỹ thuật.

Thông điệp mà chúng ta cần gửi tới tuổi trẻ là **họ xứng đáng với một tương lai khác**, và họ phải chủ động đấu tranh chứ không nên trông đợi ở sự dẫn dắt của lớp trí thức đàn anh ; họ cần hiểu rằng phải có một giải pháp chung cho đất nước chứ mỗi người không thể luồn lách để tự tìm những giải đáp cá nhân cho những vấn đề cá nhân. Các chế độ độc tài không mong muốn gì hơn là **thanh niên chạy theo chủ nghĩa luồn lách**. Các thể hệ trí thức Việt Nam trước đã hành xử như vậy, và thảm kịch đất nước mà chúng ta đang sống chính là hậu quả của cách ứng xử này.

Làn sóng dân chủ thứ tư đang diễn ra, về bản chất nhắm lật đổ các chế độ độc tài hậu cộng sản mà đặc tính là không có một

ý thức hệ nào mà chỉ thuần túy dựa trên đàn áp. Nó sẽ cần một thời gian khoảng một hay hai năm để tiêu hóa những thắng lợi tại các nước Bắc Phi và Trung Đông trước khi thanh toán các chế độ độc tài khác. Chúng ta còn thời giờ, dù không nhiều. Thái độ của trí thức Việt Nam là một dấu hỏi lớn. Tôi kỳ vọng vào khối trí thức trẻ hơn là vào lớp trí thức đã có địa vị trong xã hội.

Chúng ta có nhiều triển vọng, hai chế độ cộng sản Việt Nam và Trung Quốc sắp gặp những khó khăn kinh tế lớn, trong khi cho tới nay biện minh duy nhất của chúng là phát triển kinh tế. Chế độ cộng sản Việt Nam không khoa học như một số người bị quan có thể nghĩ.

Một thực trạng chưa được ý thức đủ là hiện nay đảng CSVN đã gần như mất quyền lực. Công an đang kiểm soát chính quyền và chính quyền ngày càng lấn áp đảng, tư sản đồ không chế tất cả. Chẳng bao lâu đa số đảng viên sẽ ý thức được điều này và phong trào dân chủ, nêu sáng suốt, có thể đón nhận một số đông những người cộng sản lương thiện.

Một mâu thuẫn mới cũng sẽ ngày càng rõ rệt giữa quân đội và công an. *Công an không chế xã hội và nắm gần hết mọi quyền lợi kinh tế nhưng quân đội lại có khả năng đánh gục công an.* Tương lai chế độ cộng sản Việt Nam rất bấp bênh. Một tình trạng mới cũng sẽ xuất hiện : sau đợt biến động này, khi các nước Ả Rập đã trở thành dân chủ, các chế độ độc tài còn lại sẽ còn cô lập hơn nữa, người ta sẽ nhìn chúng một cách gớm ghiếc như những chế độ không bình thường, những rác rưởi cần được quét đi để làm sạch thế giới.

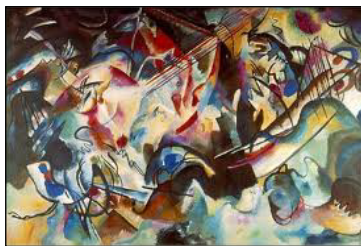
Cảm ơn bạn đã nhắc lại những quan tâm và đề nghị của tôi để thay đổi văn hóa Việt Nam. Tôi cũng chỉ là một trong số nhiều người cổ vũ cho cuộc cách mạng văn hóa này. Về điểm này có thể tôi sẽ làm bạn ngạc nhiên : *tôi không bị quan, dù vẫn bồn chồn mong đợi một chuyển biến tâm lý và văn hóa nhanh chóng hơn nữa vì chúng ta, nhất là trí thức Việt Nam, còn quá tụt hậu về mặt văn hóa, nhất là văn hóa chính trị.*

Nói chung thì chuyển biến tâm lý đã khá nhanh chóng, và tôi tự nghĩ mình đã khá may mắn khi lay động những thành kiến văn hóa và lịch sử đã được áp đặt trong cả ngàn năm mà không gặp những chống đối dữ dội hơn, ngược lại còn được hưởng ứng khá nồng hậu. Cụ thể là nếu lùi về khoảng mười năm về trước, khi cuốn *Tổ Quốc Ấm Năn* xuất hiện, ta thấy có vô số những tác phẩm và bài viết tôn xưng Khổng Tử và Khổng Giáo, tôn vinh Nguyễn Huệ và bạo lực. Ngày này hầu như không còn những bài viết như vậy nữa. Thực ra thay đổi đã khá ngoạn mục. Tiên bộ đã rất nhanh, chúng ta chỉ có cảm tưởng là nó không đủ nhanh vì chúng ta quá chậm trễ mà thôi.

Bản khoản cuối cùng của bạn là : *trí thức Việt Nam đã làm tròn trách nhiệm hướng dẫn quần chúng trong cuộc chuyển đổi văn hóa chưa ?*

Quan điểm của tôi, cũng là của đa số anh em trong THDCĐN, là chưa, nhưng càng ngày càng có những dấu hiệu khả quan. Mong rằng ngày càng có thêm những người như bạn để chúng ta cùng bắt tay nhau thúc đẩy đất nước chuyển hóa nhanh hơn nữa.

Ban biên tập Dân Luận thực hiện



Mọi sự đều qua đi trừ quá khứ

Nguyễn Gia Thường

Vẫn còn rất nhiều người muốn vứt bỏ cụm từ "hòa giải và hòa hợp" ra khỏi từ điển ngôn ngữ Việt Nam, vì sự hận thù đối với chế độ và chính quyền cộng sản vẫn còn cao ngất. Hễ nghe nói đến hòa giải và hòa hợp là có người cho rằng đây trò lừa bịp của cộng sản. Họ không biết rằng danh từ này phát xuất từ phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa trong lúc thương thuyết hiệp định Paris năm 1973. Chính quyền Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, tức chính quyền cộng sản Việt Nam bây giờ, đã nhất quyết đòi bỏ chữ hòa giải và chỉ ghi hòa hợp mà thôi. Và cuối cùng danh từ hòa giải được chấp ghi vào trong Hiệp Định Paris với danh từ hòa hợp (*).

Sự kiện này cho thấy đảng cộng sản Việt Nam không bao giờ chủ trương hòa giải cả, vì họ luôn nghĩ rằng lịch sử nhân loại là một chuỗi dài đấu tranh giai cấp. Hòa giải không bao giờ nằm trong ngữ vựng của người cộng sản. Đối với họ, chỉ có quyền lực là trên hết và quyền lực chỉ giành được bằng võ lực, bằng đầu hòng súng, bằng khủng bố.

Những anh em binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa chỉ có một lòng lo giữ miền Nam nhưng sau đó thất trận, tin tưởng rằng sau bao nhiêu năm chiến tranh mọi người ai cũng mong thôi không đổ máu, muốn có hòa bình, nên đã mau chóng buông súng. Nhưng không ngờ nhóm lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam vẫn nuôi lòng hận thù với những người đã kháng cự lại làn sóng đỏ trước đó và đày đoạ họ trong những trại giam mà chế độ cộng sản gọi là trại cải tạo. Sự vô nhân đạo của những trại cải tạo đã đạt tới cao điểm của hận thù. Chính vì chính quyền cộng sản đã bội ước điều 11 ghi trong Hiệp Định Paris nên nhân dân miền Nam đã thù ghét cụm từ "hòa giải và hòa hợp", và cho đó là một trò bịp bợm của chính quyền cộng sản Việt Nam. Kể từ đó, cụm từ đẹp đẽ và đầy ý nghĩa này đã bị từ chối và đi sâu vào tiềm thức phản cảm của rất nhiều nạn nhân chế độ độc tài đảng trị cộng sản.

Tại sao đảng cộng sản chủ nghĩa không muốn hòa giải ?

Điều kiện để đi đến hòa giải phải là phía ra tay hành hạ nạn nhân phải công nhận lỗi của mình và phía nạn nhân tha thứ cho kẻ hành hạ mình. Hiện nay cả hai điều kiện này chưa hội đủ, mỗi hận thù do đó càng chồng chất thêm. Vì sau hơn 30 năm thống nhất đất nước, chưa một người nào trong đảng cộng sản đã tỏ ra sám hối và mở lời tạ lỗi với nhân dân Việt Nam vì những hành động tàn ác của họ tại quốc nội. Cho đến nay những hành động tàn sát dân chúng Việt Nam trong những vụ Cải cách ruộng đất, Nhân Văn-Giai Phẩm, Xét lại chống đảng, Học tập cải tạo, Đuổi người lên vùng kinh tế mới, Bán bãi xua người ra biển... vẫn còn nguyên vẹn trong ký ức của rất nhiều gia đình và những nạn nhân còn sống sót sau những tội ác đó.



Chính quyền cộng sản Việt Nam được xây dựng trên xương máu của hàng triệu người, nên việc xin lỗi đối với họ là một điều rất khó khăn. Họ cho rằng xin lỗi là mặc nhiên nhìn nhận

những việc làm sai trái trong quá khứ. Đối với đảng cộng sản, tất cả những người mà họ đã tàn sát đều có tội, hoặc là kẻ thù của giai cấp vô sản, hoặc là những người bị tình nghi chống lại đảng cộng sản. Chính vì thế tội ác của đảng cộng sản Việt Nam đã chồng chất quá nhiều, và chỉ tăng lên chứ không có giảm. Đảng cộng sản rất muốn mọi người quên đi những tội ác này nhưng không phải dễ, trừ khi đảng cộng sản bị giải tán. Mọi sự đều qua đi trừ quá khứ.



Xã hội Việt Nam hiện nay vẫn còn chia làm ba thành phần : phe thua trận, phe thắng trận và phe bị lừa. Phe thắng trận vẫn tiếp tục cao ngạo coi mình là đỉnh cao trí tuệ, đã đánh thắng hai đế quốc lớn Pháp và Mỹ và do đó có toàn quyền cai trị đất nước. Phe thua trận chỉ mong được sống yên ổn với hy vọng được trả lại những gì đã mất, hay được kẻ chiếm đoạt cơ ngơi của gia đình mình hoàn trả lại. Phe bị lừa, đại đa số dân chúng Việt Nam hiện nay, chỉ biết than thân trách phận và chấp nhận sống trong âm thầm và nhẫn nhục với hy vọng ngày mai sẽ sáng sủa hơn, 37 năm đã trôi qua họ vẫn không thấy gì.

Như vậy, hòa giải và hòa hợp dân tộc là rất cần thiết, phải kết hợp hai thành phần bị thua và bị lừa thành một khối để xây dựng lại đất nước.

Hệ quả tất yếu của bất bạo động

Thế giới ngày nay không còn ủng hộ những phong trào bạo động và bạo lực nữa. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã từ 30 năm nay chủ trương xây dựng dân chủ đa nguyên, đấu tranh bất bạo động trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc. Cho đến nay, hầu như mọi người đã mặc nhiên chấp nhận tinh thần đa nguyên và đấu tranh bất bạo động. Chỉ còn một số người vẫn còn thể sống mái không chấp nhận hòa giải. Những người này không hiểu rằng hòa giải chính là chính là triết lý chính trị để thực hiện tranh đấu bất bạo động và nâng cao tinh thần đa nguyên.

Bất bạo động phải được hiểu như :

- những giá trị của tinh thần huynh đệ, tôn trọng, hòa bình, tự do, trách nhiệm và tương trợ,
- một tiền trình đi tìm ý nghĩa, một lý tưởng cần đạt đến, luôn phải được bồi đắp,
- đặt bạo lực ra khỏi vòng pháp luật, xem bạo động là một hành vi xúc phạm đến nhân phẩm con người. Đó là sự tôn trọng trong suy nghĩ, trong lời nói và trong hành động đời sống của người khác,
- bất bạo động không phải là một ý thức hệ, nhưng là một triết lý áp dụng vào đời sống hàng ngày và trong thái độ ứng xử của chúng ta,
- kháng cự lại những bất công với những vũ khí bất bạo động, thoát ra khỏi vòng xoắn hủy hoại của bạo lực,
- bất bạo động không có nghĩa là theo chủ thuyết chủ hòa (pacifism).

Những nguyên tắc hành động của bất bạo động dựa trên sự phân tích về bản chất của quyền lực : kẻ bị đàn áp không chấp nhận sự thống trị của kẻ đàn áp. Con người có khuynh hướng thụ động và cam chịu trước những bất công do đó vô tình trở nên đồng lõa, tiếp tay cho kẻ đàn áp. Bằng phương cách bất bạo động, nạn nhân từ chối không muốn là nạn nhân của kẻ đàn áp.

Hình ảnh sống động nhất của đấu tranh bất bạo động là Gandhi. Năm 1930, trên bờ biển Ấn Độ Dương, Gandhi bốc một nắm muối trong tay và kêu gọi dân chúng xuống đường đòi xóa bỏ độc quyền phân phối muối của chính quyền Anh. Với cử chỉ tầm thường nhưng đầy ý nghĩa này, Gandhi đã dấy lên một cuộc "diễn hành muối" để đòi độc lập. Chính quyền Anh đã đánh đập và bắt bỏ tù hơn 60 000 người về tội không trả thuế muối. Theo lời nhắn nhủ của Gandhi, dân chúng Ấn đã không kháng cự lại và tiếp tục xuống đường đấu tranh bất bạo động. Kinh ngạc trước thái độ này, chính quyền Anh đã phải trả tự do cho số người bị bắt và chấp nhận cho người Ấn quyền được thu hoạch muối. Và cuối cùng chấp nhận trả độc lập cho Ấn Độ.

Hòa giải là một bất buộc

Chủ trương bất bạo động phải gắn liền với hòa giải, nếu không việc đổ máu sẽ tiếp tục xảy ra. Hòa giải chính là tha thứ cho những ai trước đây đã ra tay hành hạ chúng ta nhưng nay đã thấy sai lầm của mình. Người Việt có tục ngữ "Đánh kẻ chạy đi chứ không đánh kẻ chạy lại" để nói lên tinh thần hòa giải. Chính nhờ vào tinh thần hòa giải, chúng ta sẵn sàng đón nhận những người trước đây đã lầm lẫn hằng say ủng hộ chủ nghĩa Mác Lê và ngày nay đã thấy sự bê bối của chủ nghĩa này, số người này mỗi ngày một thêm đông. Hòa giải là lối thoát cho những ai đã từng chạy theo cái ác để trở về với dân tộc trong tinh thần đa nguyên và bao dung.

Hòa giải không có nghĩa là xóa sổ những tội ác xâm phạm đến tính mạng và nhân phẩm của con người. Hòa giải đòi lại công bằng và chân lý cho nạn nhân.

Hòa giải là vũ khí bất bạo động chống lại chủ trương đấu tranh giai cấp, vì hòa giải không đòi hỏi xương máu mà chỉ đòi công lý. Hòa giải là tìm cách sống chung với nhau với tất cả những dị biệt.

Nếu chúng ta muốn sống chung với nhau, chia sẻ với nhau một tương lai chung trên đất nước Việt Nam một cách hài hòa, con đường đi tới bất buộc phải qua hòa giải.

Nguyễn Gia Thường (Brussels)

(*) Chương IV : Việc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Điều 11 : *Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ :*

- *Thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, xóa bỏ thù hận, cấm mọi hành động trả thù và phân biệt đối xử với những cá nhân hoặc tổ chức đã hợp tác với bên này hoặc bên kia ;*

- *Bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân: tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do hoạt động chính trị, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, tự do cư trú, tự do làm ăn sinh sống, quyền tư hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh.*

Đại gia và chủ nghĩa tư bản rừng rú

Hai đám cưới của con trai hai nữ đại gia Việt đang gây xôn xao dư luận trong những ngày gần đây, đó là nữ đại gia Phạm Thị Diệu Hiền, tổng giám đốc Công ty thủy sản Bình An (Bianfishco) ở thành phố Cần Thơ và đại gia Nguyễn Thị Liễu ở xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh. Người khen cũng có người chê cũng nhiều, nhất là những gì xảy ra sau các đám cưới siêu sang này. Bà Diệu Hiền đã xuất cảnh ra nước ngoài sau khi để lại một món nợ hơn 1 500 tỉ đồng (hơn 70 triệu đôla), bà Liễu thì cũng "mất hút"...

Một điều có thật ở Việt Nam ngày nay, đó là một bộ phận người dân đã trở nên vô cùng giàu có mà bà Liễu, bà Hiền chỉ là những ví dụ. Họ có tài sản từ vài triệu đến vài trăm triệu đôla. Đây là hiện tượng đáng mừng nếu xét trên quan điểm phát triển của đất nước. Giàu có không phải là tội lỗi. Việc tích lũy tài sản để trở thành giai cấp tài phiệt, thượng lưu là một quá trình tự nhiên của mọi quốc gia. Tuy nhiên cách tích lũy tài sản như thế nào lại là một chuyện khác, rất khác.

Chế độ cộng sản theo chủ nghĩa Mác-Lenin cho rằng cần phải xóa bỏ giai cấp để thiết lập một xã hội công bằng, trong đó mọi giai cấp đều bình đẳng như nhau, mọi người đều làm theo năng lực và hưởng theo nhu cầu... Thực tế đã chứng minh, đây là những luận điểm vớ vẩn và hoang đường. Sẽ không bao giờ có chuyện đó, nếu chuyện đó xảy ra thì sự sống trên trái đất sẽ chấm dứt vì mỗi khi ai cũng làm việc như ai và ai cũng hưởng thụ như nhau thì con người sẽ không còn động lực để làm việc.

Bất cứ một xã hội nào cũng chia ra ít nhất là ba giai cấp : thượng lưu, trung lưu và hạ lưu. Tầng lớp thượng lưu là tầng lớp tinh hoa, tuy ít về số lượng nhưng lại nắm giữ quyền lực và đa số của cải của toàn xã hội. Tầng lớp trung lưu đông hơn và có cuộc sống khá giả, tầng lớp này có tiếng nói và vai trò quan trọng trong các thay đổi xã hội, là chỗ dựa và hy vọng cho tầng lớp hạ lưu. Tầng lớp hạ lưu là tầng lớp đông đảo nhất và chịu nhiều thiệt thòi nhất trong bất cứ xã hội nào.

Từ khi loài người biết đến quyền sở hữu thì xã hội đã chia ra nhiều giai cấp, quá trình phân chia giai cấp đó đã diễn ra vô cùng khốc liệt và đẫm máu. Trong chế độ nguyên thủy, chưa có sự phân chia giai cấp nhưng khi chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ phong kiến thì quá trình này đã diễn ra rất mạnh mẽ và hầu hết quyền lực, tài sản nằm trong tay một số ít người là giới quý tộc và vua chúa. Xã hội khi đó chỉ có kẻ cai trị và kẻ bị cai trị. Mâu thuẫn giữa hai tầng lớp này đã dẫn đến các cuộc cách mạng đẫm máu như cuộc Cách mạng tư sản Hà Lan (1566-1572), Cách mạng tư sản Anh (1640-1689), Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ (1775-1783) và Cách mạng Pháp (1789-1799)...

Cũng trong thế kỷ 18, với sự ra đời của các trào lưu tư tưởng tiên bộ và sự phát triển của khoa học kỹ thuật, đã hình thành nên một giai cấp mới đó là giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản đã nhanh chóng tạo cho mình một chỗ đứng vững chắc trong xã hội các nước phát triển ở Châu Âu bằng cách tích lũy tư bản. Phương pháp tích lũy tài sản của giai cấp này là bóc lột thậm tệ và tối đa sức lao động của người dân dựa vào sự liên minh mật thiết với chính quyền. Chủ nghĩa Mác ra đời trong hoàn cảnh đó.

Sau khi giai cấp tư bản đã có một chỗ đứng trong xã hội phương Tây và nhất là sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc với sự lên ngôi bá chủ thế giới của Mỹ, một quốc gia đặt tự do, dân chủ và quyền con người lên trên hết thì xã hội tư bản đã có những thay đổi sâu sắc. Mối quan hệ giữa giai cấp tư sản và công nhân đã chuyển sang một trang mới, đó là hợp tác đôi bên cùng có lợi, dựa trên những khế ước công bằng và minh bạch.

Ngày 9-11-1989, bức tường Berlin sụp đổ, chiến tranh lạnh giữa hai phe tư bản và cộng sản kết thúc với phần thắng thuộc về phe tư bản, do Mỹ đứng đầu. Một loạt các nước cộng sản Đông Âu đã nhanh chóng rũ bỏ chủ nghĩa cộng sản để hội nhập với các giá trị và văn minh của phương Tây. Tuy nhiên nước Nga, quê hương của chủ nghĩa cộng sản cùng với một số nước như các nước vùng Trung Á (thuộc Liên xô cũ trừ Grugia), Trung Quốc, Việt Nam, Cuba, Bắc Triều Tiên vẫn đi theo con đường riêng.

Tại Việt Nam, chính quyền cộng sản vẫn hô hào người dân "kiên định" đi theo con đường "xã hội chủ nghĩa" của Mác-Lênin với "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Nhưng mục đích chính của việc hô hào này là để lừa bịp những kẻ thiếu hiểu biết trong nội bộ đảng cũng như người dân thiếu thông tin. Xã hội Việt Nam hiện nay cũng như Nga hay Trung Quốc chính là những xã hội mang tên "tư bản rừng rú". Là "xã hội rừng rú" nên nó rất hoang dã, trong xã hội đó không hề có luật lệ nên những kẻ mạnh tha hồ chèn ép và "ăn thịt" những kẻ yếu, cá lớn nuốt cá bé. Pháp luật chỉ là công cụ của kẻ mạnh và chỉ dành để xét xử những kẻ yếu.

Quyền lực, của cải và sự giàu có được tập trung vào tay một số ít người là điều đang diễn ra hàng ngày tại Việt Nam. Chủ nghĩa cộng sản với điều 4 Hiến pháp, hay điều 79, 88 bộ luật Hình sự, hoặc việc "sở hữu toàn dân về đất đai"... cũng nhằm mục đích đẩy nhanh và bảo vệ quá trình tích lũy tư bản theo kiểu rừng rú đó. Khi quá trình tích lũy tư bản rừng rú này chấm dứt, vì sức ép của người dân hay do hoàn cảnh bất buộc, hay do biến động xã hội, thì lập tức chế độ cộng sản Việt Nam sẽ biến mất và thay vào đó là một chế độ độc tài mới kiểu Nga : độc tài không cộng sản.

Quá trình tích lũy tư bản rừng rú tại Việt Nam sẽ kéo dài bao lâu và hệ lụy của nó sẽ là gì ?

Rõ ràng là quá trình này đang được diễn ra rất khẩn trương với tốc độ tối đa, vì tất cả những kẻ trong cuộc đều rõ một điều là quá trình này sắp chấm dứt. Cũng chỉ ở Việt Nam mới có chuyện trong một thời gian ngắn lại xuất hiện nhiều triệu phú đô la đến thế. Việc chuyển đổi, biến tài sản của chung thành của riêng đang diễn ra mạnh mẽ và quá trình này chỉ diễn ra suôn sẻ trong bóng tối, tức là khi người dân không biết gì.

Với sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông và báo chí, đặc biệt là qua mạng internet thì ý thức và hiểu biết của người dân đã khác trước, chính quyền và những kẻ tư bản mới không dễ gì "múa gậy vườn hoang" mãi. Thứ hai, sự tiêu sái xa hoa của những kẻ trọc phú mới bên cạnh cuộc sống khốn khó của người dân khiến hồ ngấn cách giàu nghèo ngày càng lớn và đây chính là nguyên nhân dẫn đến bất ổn xã hội và các cuộc cách mạng đường phố trong tương lai. Mọi biện pháp mà chính quyền đề ra nhằm hạn chế hay răn đe những kẻ "tư bản rừng rú" này đều vô ích, vì quyền lực vô biên cộng với tuổi tác già nua khiến họ bất

chấp tất cả, đập lên tất cả để thể hiện bản thân, khoe của và ăn chơi trác táng, họ biết rằng khi chết không ai mang theo được tiền của của mình.

Hệ lụy của quá trình tích lũy tư bản rừng rú này như thế nào thì có lẽ ai cũng rõ. Một thiểu số người trở nên giàu có khủng khiếp và đa số còn lại vốn đã nghèo lại càng nghèo hơn. Sự giàu có đến với giới "tư bản rừng rú" không phải do tài năng hay trí tuệ và phần lớn đến từ tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi... Một đồng tiền đến từ tham nhũng sẽ làm mất đi nhiều đồng tiền khác dành cho y tế, giáo dục, hạ tầng cơ sở cũng như tước đi nhiều cơ hội cải thiện cuộc sống của người nghèo. Khi hồ ngấn cách giàu nghèo càng lớn thì bất ổn xã hội sẽ càng gia tăng, mâu thuẫn giữa tầng lớp cai trị và bị trị sẽ ngày càng lớn và có nguy cơ bùng nổ bất cứ lúc nào. Khi cuộc cách mạng đường phố xảy ra thì tài sản và số phận của những kẻ giàu có theo kiểu rừng rú sẽ rất khó được an toàn.

Quá trình tích lũy tư bản rừng rú đang diễn ra càng ngày càng khốc liệt, nó không còn giới hạn giữa "bầy thú" với người dân mà đang diễn ra cảnh tranh giành, "ăn thịt" lẫn nhau giữa những con thú lớn. Trong năm 2012 chúng ta sẽ chứng kiến nhiều cuộc "mắn thịt" giữa các ông lớn trong các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế như ngân hàng, bất động sản... Nhiều đại gia Việt ăn theo bầy thú lớn cũng sẽ hy sinh hoặc biến mất khỏi thương trường. Họ sẽ bị tiêu diệt, hoặc vỡ nợ do đầu tư tràn lan ra ngoài ngành nghề chính. Bầy thú tư bản châu Á gốc Hoa, với kinh nghiệm và khả năng tài chính dồi dào, sẽ nhanh chóng nuốt chửng những con thú Việt đang giãy chết. Kinh tế Việt Nam sẽ nằm trong tay các thế lực này và lệ thuộc kinh tế là điều hiển nhiên.

Có lối thoát nào cho các đại gia Việt hay không ? Tuy hơi muộn nhưng vẫn có và chỉ có một lối thoát duy nhất, đó là tham gia mạnh mẽ và có trách nhiệm vào việc dân chủ hóa đất nước. Chỉ có dân chủ mới cứu được các đại gia Việt khỏi nanh vuốt của bầy thú lớn và những con thú lớn cũng chỉ có thể giữ được tài sản của mình dưới một chế độ dân chủ thực sự.

Quan điểm của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là thừa nhận việc tích lũy tư bản tại Việt Nam trong thời gian qua như là một tất yếu của lịch sử. Chính quyền dân chủ trong tương lai sẽ không truy đòi nguồn gốc của cải mà các đại gia Việt đã có được. Điều kiện của chính quyền dân chủ mới là các đại gia này phải chấm dứt lối làm ăn bất minh mà phải hoạt động theo đúng luật định. Làm giàu là điều đáng khuyến khích nhưng phải làm giàu bằng tài năng và trí tuệ của chính mình.

Người dân Việt Nam, đặc biệt là tầng lớp trí thức tinh hoa của đất nước, nếu không tập hợp lại với nhau để thúc đẩy quá trình dân chủ hóa đất nước thì chỉ tiếp tục làm miếng mồi ngon cho bầy thú tư bản rừng rú. Nên nhớ lòng tham và sự dăm man của bầy thú này là vô tận. Việc tăng giá viện phí, giá ga, giá xăng... hiện nay chỉ là những ví dụ nhỏ.

Dù gì thì những siêu đám cưới vừa diễn ra cũng có một tác dụng tích cực bên cạnh những tiêu cực, nó minh chứng cho một điều đã quá rõ : Việt Nam ngày nay không hề có cái mà chính quyền vẫn quảng cáo : "Xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" ! Chủ nghĩa cộng sản của Mác-Lênin đã thực sự chết từ lâu trên mảnh đất này.

Việt Hoàng (Moskva)

Trung Quốc : chiến tranh văn hóa và siêu quyền lực mềm

Nguyễn Hưng Quốc

Trung Quốc có thể thắng được cuộc chiến tranh văn hóa ?

Viết xong bài "Trung Quốc và siêu quyền lực mềm", tôi mới chợt nhớ một bài báo khá thú vị được đọc trên chuyến bay từ Bangkok đến Bắc Kinh vào ngày 10-2. Bài báo nhan đề "Can China win its culture war ?" đăng trên tờ *The Nation* của Thái Lan số ra ngày Thứ Sáu 10-2-2012. Có hai điều thú vị : Thứ nhất, ở thời điểm và địa điểm đọc bài báo. Giá như tôi đọc ở Úc hay ở đâu khác: nó rất bình thường. Trên thế giới, không hiếm những bài báo phê phán Trung Quốc với những lập luận tương tự. Nhưng đọc một bài báo phê phán Trung Quốc ngay trên đường đi sang Trung Quốc lại khác. Nó giống như một lời cảnh giác. Thứ hai, ở tác giả : Frank Ching, một nhà báo ở Hồng Kông, tác giả cuốn *Ancestors : 900 Years in the Life of a Chinese Family*. Giới cầm bút Tây phương vạch trần các âm mưu của Trung Quốc không ít. Nhưng một tiếng nói cất lên từ Hồng Kông, hiện nay nằm dưới quyền cai trị của Trung Quốc, lại khác : Đó là tiếng nói xuất phát từ kinh nghiệm của người trong cuộc.

Mở đầu bài báo, Frank Ching cho biết chính quyền Trung Quốc xem văn hóa như một mặt trận lớn, cả về đối nội lẫn đối ngoại. Về đối nội, chỉ trong tháng 1-2011, chính quyền Trung Quốc đã ra lệnh cắt bỏ hai phần ba chương trình giải trí trên các kênh truyền hình trong nước với lý do chúng "thô tục" để thế vào đó bằng các chương trình nặng tính tuyên truyền về đạo đức truyền thống cũng như các giá trị xã hội chủ nghĩa phù hợp với các chính sách của Đảng. Về đối ngoại, họ bỏ ra cả hàng tỉ đô la để thành lập các Viện Khổng Tử cũng như các chương trình dạy tiếng Hoa, liên kết với các viện đại học ở nước ngoài. Họ cũng sản xuất vô số phim ảnh, mua lại các hãng truyền thông ngoại quốc, quảng cáo âm í một số thành tựu về văn hóa, xã hội cũng như thể thao của Trung Quốc. Tất cả đều nhằm một mục đích : khắc họa hình ảnh một Trung Quốc văn minh, văn hóa và hòa bình.

Tuy nhiên, Frank Ching vạch ra ngay một số nghịch lý trong trận chiến văn hóa ấy :

Thứ nhất, trong khi ở Tây phương, các hoạt động văn hóa liên quan đến quyền lực mềm như vậy đều được tiến hành bởi xã hội dân sự và là kết quả của sự phát triển của văn hóa dân sự, ở Trung Quốc, ngược lại, tất cả đều nằm trong tay nhà nước, do nhà nước chỉ đạo và thực hiện từ đầu đến cuối. Nghịch lý nằm ngay chính chỗ ấy : chính quyền Trung Quốc cố gắng củng cố quyền lực mềm của họ cùng lúc với việc áp chế một phần lớn xã hội dân sự vốn là cơ sở của quyền lực mềm.

Thứ hai, một mặt họ muốn chứng tỏ là họ đồng hành với thế giới, thậm chí, dẫn dắt thế giới, nhưng mặt khác, họ lại phủ nhận, thậm chí, chà đạp lên các bảng giá trị phổ quát được cả thế giới nhìn nhận : dân chủ và nhân quyền. Cái gọi là Viện Khổng Tử mà họ đổ bao nhiêu tiền bạc ra để xây dựng và quảng bá chỉ lặp đi lặp lại những bài học cũ kỹ và lỗi thời, từ cả mấy ngàn năm trước. Trong khi đó, những việc họ làm trong nước lại hoàn toàn đi ngược với xu thế chung của thế giới : bóp nghẹt mọi quyền tự do, đặc biệt, tự do ngôn luận của dân chúng. Mọi hình thức truyền thông đại chúng đều bị kiểm duyệt. Nhiều nhà báo và những người bất đồng chính kiến bị bắt bớ và trấn áp. Cả thế giới đều biết những chuyện ấy, nhưng các cơ quan truyền thông chính thức của đảng và nhà nước thì một mực chối bỏ và tiếp tục ra rả nói dối.

Với hai nghịch lý như thế, liệu trận chiến văn hóa để giành giật quyền lực mềm của Trung Quốc có thể thành công hay không ?

Để trả lời câu hỏi ấy, Frank Ching lấy trường hợp của Hồng Kông làm ví dụ.

Hồng Kông, ai cũng biết, thuộc lãnh thổ Trung Quốc, bị Anh chiếm đóng một phần từ năm 1841, sau đó, từ năm 1898, trở thành nhượng địa của Anh. Ngày 1-7-1997, Anh trả Hồng Kông lại cho Trung Quốc sau khi Bắc Kinh đồng ý với điều kiện do Anh đưa ra : "một quốc gia, hai thể chế". Nghĩa là, khác với Trung Hoa lục địa vốn theo chế độ độc đảng, Hồng Kông vẫn tiếp tục thể chế dân chủ do Anh xây dựng và kéo dài cả một thế kỷ. Tiếng Anh vẫn được giảng dạy ở mọi cấp bên cạnh tiếng Hoa (chủ yếu là tiếng Quảng Đông). Các quyền tự do, đặc biệt quyền tự do ngôn luận, cần được tôn trọng. Người dân Hồng Kông có loại hộ chiếu riêng để dễ dàng đi nước ngoài. Các văn kiện được ký kết giữa Hồng Kông và các nước khác trên thế giới vẫn tiếp tục có hiệu lực, v.v.

Từ đó đến nay, chính quyền Trung Quốc không ngừng tìm mọi cách chinh phục trái tim và khối óc của 7 triệu dân Hồng Kông. Đối với Hồng Kông, lúc nào họ cũng thân thiện và mềm mỏng. Họ hiểu được một điều : quyền lực mềm của họ, nếu có hiệu quả, hiệu quả ấy phải được thấy, trước hết, ở Hồng Kông, nơi đang được/bị mọi người trên thế giới chăm chú theo dõi.

Nhưng kết quả thế nào ?

Kết quả một cuộc điều tra mới đây cho thấy : Đa số người Hồng Kông vẫn xem họ là người Hồng Kông chứ không phải người Trung Hoa, đặc biệt Trung Hoa lục địa. Số người muốn khẳng định bản sắc của mình như người Hồng Kông, độc lập với người Trung Quốc, cao gấp đôi số người tự đồng nhất mình với người Trung Quốc. Đặc biệt, cũng theo các nhà điều tra và quan sát, số người trên càng ngày càng tăng, nghĩa là, càng sống lâu và càng gần gũi với chính quyền cũng như với người Trung Quốc lục địa, người Hồng Kông càng có khuynh hướng ít ngưỡng mộ Trung Quốc và càng muốn tách rời ra khỏi Trung Quốc.

Người Hồng Kông vốn là những người cùng chủng tộc, cùng ngôn ngữ và cùng văn hóa với người Trung Quốc mà còn thế, huống gì dân chúng ở các nước khác trên thế giới ? Triển vọng thành công trong trận chiến văn hóa nhằm chinh phục trái tim của thế giới do Trung Quốc thực hiện, do đó, chắc là còn lâu.

Lâu lắm.

Trung Quốc và siêu quyền lực mềm (soft superpower)

Trong bài "Dư luận về ngôi minh chủ thế giới của Trung Quốc", tôi có nêu lên ba điều kiện chính để một quốc gia trở thành siêu cường quốc lãnh đạo thế giới : một là, một siêu quyền lực về quân sự có khả năng can thiệp vào tình hình chính trị ở bất cứ nơi nào trên thế giới ; hai là, một siêu quyền lực về kinh tế có khả năng ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển trên quy mô toàn cầu ; và ba là, một siêu quyền lực mềm để trở thành một bảng giá trị chuẩn phổ quát được mọi người ngưỡng mộ, chấp nhận và học tập.

Nhiều học giả tiên đoán : Trong vài thập niên tới, có thể Trung Quốc sẽ thỏa mãn được hai điều kiện đầu. Họ sẽ qua mặt Mỹ để trở thành một nền kinh tế lớn nhất thế giới. Khi đó, Mỹ khó có thể duy trì một ngân sách quốc phòng khổng lồ hiện nay - nhiều gấp 8 lần Trung Quốc. Khi ngân sách quốc phòng Trung Quốc tăng

bằng hay hơn Mỹ, một lúc nào đó, kho vũ khí của họ sẽ vượt Mỹ là điều rất dễ hiểu. Dĩ nhiên, ngoài tiền, ở đây cần một yếu tố khác nữa : kỹ thuật. Nhưng kỹ thuật là điều có thể học hoặc mua được bằng tiền. Chỉ cần thời gian. Nói cách khác, chỉ cần vượt qua Mỹ về kinh tế, vài thập niên sau, Trung Quốc có thể vượt qua Mỹ về quân sự.

Có thể thực tế sẽ không đơn giản và xuôi chiều như vậy vì ba lý do chính. Thứ nhất, trong một, hai thập niên tới, kinh tế Trung Quốc có thể trở thành một nền kinh tế lớn nhất thế giới. Nhưng nó chỉ lớn chứ không thực sự mạnh. Nó lớn ở quy mô tổng sản lượng xuất khẩu, nhập khẩu và tổng thu nhập nội địa. Nhưng về thu nhập tính trên đầu người, nó vẫn thuộc loại thấp, chắc chắn thấp hơn hẳn các quốc gia phát triển ở Tây phương hiện nay. Thành ra, nước thì giàu nhưng dân chúng, nói chung, vẫn nghèo. Thứ hai là khoảng cách giàu và nghèo ở Trung Quốc hiện nay rất lớn và không thể giải quyết được trong một hai thập niên nữa. Dân nghèo nằm rải rác khắp nơi, nhưng nhiều nhất là ở nông thôn, hiện chiếm tới hơn 50% dân số cả nước, tức nhiều hơn dân số Thị trường chung châu Âu hiện nay. Một khối dân số nghèo nàn lớn lao như vậy, tự nó, chưa đựng đầy những nguy cơ bất ổn. Thứ ba, khó có hy vọng trong vài ba thập niên tới, Trung Quốc có thể thay đổi cả hệ thống giáo dục để bằng Mỹ trong việc đào tạo trí thức và chuyên viên giỏi đủ để sáng tạo và sáng chế các kỹ thuật cần thiết cho một nền quân sự thực sự có tính hiện đại. Do đó, họ vẫn tiếp tục cần mua kỹ thuật và chất xám từ những nơi khác. Ở phương diện này, còn mua là còn ít nhiều lệ thuộc.

Bởi vậy, ngay cả khi Trung Quốc qua mặt Mỹ về mặt kinh tế, khả năng ổn định để tiếp tục phát triển về khoa học kỹ thuật hầu trở thành một siêu quyền lực quân sự cũng sẽ rất khó khăn. Nhưng điều nhiều người nghi ngờ nhất chính là khả năng thỏa mãn được điều kiện thứ ba : trở thành một siêu quyền lực mềm.

Trung Quốc vốn nổi tiếng về một nền văn hóa lâu đời và đặc sắc. Đó là một trong hai nền văn hóa cổ đại đặc sắc và có ảnh hưởng nhất của nhân loại, bên cạnh nền văn hóa cổ đại Hy Lạp. Nhưng hầu như tất cả những tinh hoa và tinh túy của văn hóa Trung Quốc đều thuộc thời Trung Đại vốn được xây dựng trên một thứ đạo đức học vàng phục một cách mù quáng và một phong cách sống đầy tính chất làng xã. Nền văn hóa ấy, lớn thì có lớn, cực lớn, nhưng lại có không ít vấn đề : thứ nhất, nó thuộc quá khứ và thứ hai, nó chứa đựng những giá trị đã lỗi thời. Điều Trung Quốc cần nhất hiện nay là một nền văn hóa mới có thể khiến mọi người ngưỡng mộ và muốn mô phỏng theo. Nền văn hóa mới ấy được thể hiện ở hai khía cạnh chính : con người và giá trị.

Về con người, cho đến nay, thành thực mà nói, người Trung Quốc nói chung vẫn chưa tạo được ấn tượng tốt với thế giới. Nghĩ đến người Trung Quốc, người ta vẫn nghĩ chủ yếu đến ba điểm chính : sự thô lỗ (ồn ào, chen lấn, khạc nhổ bừa bãi), sự vô cảm (không quan tâm đến người khác, kể cả đồng bào của chính mình) và sự gian lận (hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hoàn toàn không tôn trọng các quyền sở hữu trí tuệ đã được công pháp quốc tế thừa nhận và chính Trung Quốc đã ký kết), v.v. Khắp thế giới, người ta vẫn xài hàng hóa từ Trung Quốc. Nhưng vừa xài vừa phàn nàn và cảm thấy bất an.

Trước kia, và có lẽ hiện nay nữa, người ta có thể ghét người Mỹ, nhưng không ai khinh người Mỹ. Hình mẫu người Mỹ, từ ngoại hình đến tính cách, chủ yếu qua các phương tiện truyền thông đại chúng, từ phim ảnh đến các cuộc biểu diễn thời trang, lan tràn khắp thế giới, trở thành biểu tượng của cái đẹp cũng như của sự

văn minh. Khi Trung Quốc chưa làm chủ được văn hóa đại chúng, họ vẫn là những kẻ lạc loài trên thế giới dù dân số của họ có đông đến mấy.

Xin lưu ý : ở trên, nói đến con người, chúng ta chỉ nói đến con người tập thể chung chung chứ không phải từng cá nhân cụ thể. Với tư cách cá nhân, ở đâu cũng có thể có những người tốt, đáng cho chúng ta kính trọng và học hỏi.

Nhưng liên quan đến văn hóa, có một yếu tố khác quan trọng hơn con người : bảng giá trị mà xã hội ấy tin tưởng và theo đuổi, làm nền tảng cho cách ứng xử của cá nhân cũng như cho việc hoạch định các chính sách quốc gia. Đối với Mỹ, bảng giá trị ấy rất rõ ràng : sự tự do cho từng cá nhân và sự bình đẳng giữa các cá nhân, sự tôn trọng luật pháp và các quyền con người. Chính trị Mỹ không ít lần bị khủng hoảng và không ít chính khách tìm cách vi phạm hoặc lợi dụng các bảng giá trị ấy. Tuy nhiên, nói chung, bảng giá trị ấy vẫn bền vững và nhận được sự đồng thuận của mọi người từ trên xuống dưới. Thế giới học hỏi Mỹ là học hỏi, trước hết, bảng giá trị ấy.

Còn Trung Quốc ?

Hiện nay, có một điều rất rõ là Trung Quốc vẫn chưa xây dựng cho họ một bảng giá trị nào có tính phổ quát cả. Khi nói, họ vẫn nói leo theo Tây phương : tôn trọng điều này điều nọ. Nhưng ai cũng biết là họ đang nói dối. Trên thực tế, họ không tin và không làm những điều họ nói. Hơn nữa, họ còn sẵn sàng chà đạp lên những điều đó. Gần đây, một số lý thuyết gia Trung Quốc nêu lên luận điểm : bảng giá trị mà họ theo đuổi khác với Tây phương. Khác, ở điểm chính : Tây phương xem cá nhân là nòng cốt của xã hội : họ tôn trọng tự do để phát huy khả năng sáng tạo của từng cá nhân, qua đó, làm cho xã hội phát triển và giàu có ; Trung Quốc, ngược lại, xem nhà nước là nòng cốt : họ muốn xây dựng một nhà nước thật mạnh để nhà nước ấy bảo đảm tự do và khả năng sáng tạo cũng như sự phát triển của từng cá nhân. Họ lý luận : mỗi quan niệm có những ưu và khuyết điểm riêng. Tuy nhiên, rõ ràng là ở mô hình Trung Quốc, phần khuyết điểm vẫn rất lớn và chứa đựng nhiều nguy cơ hơn hẳn. Xây dựng trên quyền tự do cá nhân, xã hội Tây phương có thể đi vào lối sống ích kỷ ; nhưng xây dựng trên nhà nước, xã hội Trung Quốc đã, đang và sẽ đối diện với hai nguy cơ lớn : độc tài và tham nhũng. Hai nguy cơ ấy dẫn đến những hệ quả khốc hại khác : sự độc tài không tập hợp được trí tuệ của quần chúng và do đó, rất dễ dẫn đến sai lầm trong chính sách ; sự tham nhũng dẫn đến bất công và bất bình đẳng, từ đó, bất bình trong xã hội. Hậu quả cuối cùng sẽ là sự bất ổn.

Trung Quốc biết thế yếu của mình ở phương diện quyền lực mềm này nên lâu nay họ dốc sức để xây dựng một hình ảnh tốt trên thế giới. Cho đến nay, có nhiều biện pháp được áp dụng : một là, viện trợ dồi dào cho các nước nghèo ở châu Phi, châu Á và châu Mỹ La tinh ; hai là, tăng cường các hợp tác quốc tế, tham gia vào các lực lượng giữ gìn hòa bình trên thế giới ; ba là, xây dựng các Viện Khổng Tử ở khắp nơi trên thế giới (hiện nay đã có trên 500 viện đã được khánh thành) ; bốn là, cử các phái đoàn văn nghệ đi khắp thế giới để biểu diễn và trình diễn ; và năm là, mua nhiều cơ quan truyền thông để tuyên truyền, v.v.

Các chính sách ấy có thành công hay không ? Cần chờ thời gian trả lời. Nhưng hiện nay thì chưa. Nhiều quốc gia có quan hệ tốt với Trung Quốc nhưng chưa có quốc gia nào xem Trung Quốc như một mô hình chính trị và xã hội mẫu mực để họ bắt chước.

Trừ một ngoại lệ : Việt Nam.

Nguyễn Quốc Hưng (blog VOA)

Thời sự

Châu Á và nguy cơ bất công kinh tế

Tuần trước, công ty địa ốc Sotheby bán được một căn hộ một phòng ngủ tại Đà Nẵng với giá gần 400 000 đô la. Còn giá một penthouse 4 phòng ngủ là một triệu đô la. Và không phải chỉ riêng Hồng Kông hay Singapore mà cả Sài Gòn, Hà Nội vẫn đầy đầy những cửa hàng bán các món hàng hạng sang của LVMH, Hermès, Burberry v.v. Tất cả những sự kiện đó khiến cho người ta nghĩ rằng châu Á, trong đó có cả Việt Nam, đang vượt lên với những đại gia ăn tiêu không kém gì những tỷ phú của Mỹ, của Tây phương. Nhưng đó không phải là toàn thể câu chuyện. Dưới cái dáng hào nhoáng bên ngoài của những thành thị châu Á, đời sống của dân chúng khó khăn hơn nhiều. Trong giai đoạn mà các quốc gia châu Á đạt những mức tăng trưởng kinh tế ngoạn mục, những thành quả thu được đã không được phân phối một cách công bằng. Nói tóm lại, trong toàn vùng, lạm phát đã khiến giá cả sinh hoạt gia tăng và đã đẩy rất nhiều người vào cảnh khốn khó.

Đây không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên. Trong mấy chục năm qua, châu Á được hưởng một mức bất công kinh tế tương đối thấp. Ngày nay tình trạng này đã thay đổi. Khác biệt trong thu nhập đang gia tăng nhanh hơn trước và gay gắt hơn là các nơi khác. Không kể đến các căng thẳng chính trị mà tình trạng này tạo ra, theo một báo cáo của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, nó cũng ảnh hưởng đến tiến trình phát triển kinh tế. Đó là vì thứ nhất, nó tạo ra một sức cản cho việc tăng năng suất và thứ hai, nó làm cho việc đưa ra những chính sách mỵ dân có hại trở thành hấp dẫn.

Trong mấy chục năm vừa qua, châu Á đã đạt được một tốc độ tăng trưởng chưa từng thấy. Số người được vực ra khỏi tình trạng nghèo đói lên đến hàng trăm triệu, một chuyện chưa bao giờ xảy ra trong lịch sử, nhất là trong một thời gian ngắn như vậy.

Có thể lấy Nam Hàn làm ví dụ. Trong những năm đầu của thập niên 1960, thu nhập trên đầu người của Nam Hàn tương đương với Sudan hiện nay. Nhưng hiện nay, Nam Hàn là một quốc gia phát triển, thành viên của OECD, câu lạc bộ của những nước giàu có, xuất cảng máy điện thoại cầm tay, computer, xe hơi và nhiều món hàng kỹ thuật cao khác. Một cuộc xe taxi từ phi trường vào trung tâm thủ đô Seoul tốn không kém gì một cuộc xe taxi tại bất cứ một thủ đô nào tại châu Âu hay Bắc Mỹ. Các quốc gia khác, ngay cả một quốc gia theo sau như Việt Nam, cũng ở trong tiến trình tăng trưởng mang lại phần thịnh cho dân chúng.

Có rất nhiều cách giải thích cho hiện tượng tăng trưởng của châu Á. Nhưng có một sự kiện nổi bật : châu Á, ít nhất là vào lúc ban đầu, có một mức độ bất công kinh tế tương đối thấp. Các quốc gia châu Á có thể nghèo, nhưng nghèo đồng đều, không có một mức chênh lệch quá mức. Trái với châu Mỹ La tinh, đất đai tại châu Á không nằm trong tay một thiểu số nào và việc cung cấp các dịch vụ giáo dục và y tế, tuy phẩm chất không cao, nhưng tương đối phổ quát.

Trung Quốc là một trường hợp điển hình. Vào cuối thập niên 1970, khi nước này bắt đầu những cải cách kinh tế đầu tiên, mức độ bất công kinh tế của Trung Quốc nhẹ hơn nhiều so với những nước ở cùng một trình độ phát triển. Ấn Độ, tuy theo chế độ chính trị dân chủ, nhưng ngay tại Ấn, chính sách của các chính quyền trong giai đoạn từ 1950 đến 1980 đã giới hạn tình trạng bất bình đẳng trong thu nhập và mở rộng cơ hội cho những đẳng cấp trước đó bị kỳ thị.

Nhưng những dữ kiện thu thập được cho thấy, kể từ đầu thập niên 1990, tình trạng bất công kinh tế đã gia tăng trên toàn vùng. Một số

người biện luận rằng đây là một hiện tượng tự nhiên, một phó sản của tình trạng phồn vinh gia tăng. Và họ chỉ ra rằng, tình trạng nghèo đói hiện đang tiếp tục giảm sút giống như một ngọn triều lên nâng tất cả các con thuyền, tuy có những con thuyền được nâng chậm hơn hoặc ít hơn. Số người sống trong tình trạng nghèo đói tính theo tiêu chuẩn quốc tế (có thu nhập ít hơn 1 đô la Mỹ một ngày) đã giảm từ 50% xuống 25% giữa 1990 và 2005. Châu Phi, châu Mỹ La tinh, Trung Đông và ngay cả vùng Đông Âu cũng không đạt được một thành quả như vậy. Nhưng đứng trên phương diện gia tăng bất công kinh tế, châu Á cũng đã tăng nhanh hơn các vùng khác.

Nguyên nhân nào đã tạo ra tình trạng này hiện còn chưa rõ. Có thể nó chỉ phản ánh một cách đơn giản bản chất của sự tăng trưởng hoàn toàn bị chi phối bởi công nghiệp trong khi dịch vụ, một ngành hoạt động mang lại một tình trạng phân phối công bằng hơn, không được phát triển. Tình trạng dân số cũng có thể đóng một vai trò, với việc gia tăng nhanh chóng số dân trong tuổi lao động đã làm tăng thêm áp lực giữ cho lương bổng thấp.

Hai yếu tố đó sẽ phải giảm nhẹ tác động trong những năm tới khi các nền kinh tế châu Á đạt mức trưởng thành và dân số châu Á lão hóa. Nhưng có những yếu tố khác tác động vào việc gia tăng bất công kinh tế và sẽ còn tiếp tục nếu không có những thay đổi. Với tình trạng bất công kinh tế ngày càng gia tăng, ngay cả trong trường hợp càng ngày càng có nhiều người vượt qua mức nghèo đói để lên mức đủ sống một cách tương đối, tăng trưởng kinh tế sẽ bị ảnh hưởng.

Lịch sử đã chứng minh rằng, cho dù có một giai đoạn tăng trưởng kinh tế dài, tình trạng ổn định này vẫn thường bị chấm dứt khi hiện tượng bất công kinh tế tăng nhanh. Nguyên nhân xảy ra hiện tượng này tương đối đơn giản.

Thứ nhất, cách biệt giàu nghèo quá lớn do đó giới hạn sự tham gia của người nghèo. Tiềm năng của một nền kinh tế chỉ có thể được thể hiện toàn diện khi tất cả những người có tài năng đều có cơ hội để phát triển tài năng của họ. Bất công kinh tế giới hạn những cơ hội này.

Thứ hai, và cũng không kém quan trọng, gia tăng bất công kinh tế khiến những chính sách mỵ dân trở nên hấp dẫn đối với những nhà chính trị. Với thời gian, những chính sách này có thể làm sới mòn khả năng thực hiện các chính sách về thuế vụ và tiền tệ, bóp méo tiến trình phân phối tài nguyên. Ngay trong lúc này, bất mãn gia tăng trong tình trạng phồn vinh chưa từng thấy tại nhiều nước đã khiến cho các chính phủ tìm cách mua chuộc dân chúng và sử dụng nó để mua một tình trạng ổn định tạm thời.

Vậy các chính phủ cần phải làm gì ?

Theo Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), châu Á cần phải làm sao bảo đảm những thành quả của tăng trưởng kinh tế được phân phối một cách quân bình hơn. Để thực hiện, phải thỏa mãn ba điều kiện.

Thứ nhất, hệ thống thuế khóa cần phải nhắm vào việc tái phân phối một cách tích cực hơn các nguồn thu nhập : với mức thuế thấp ở những bậc dưới của nấc thang thu nhập và thuế suất cao ở những nấc trên. Thứ hai, cần phải bảo đảm các dịch vụ giáo dục và y tế có phẩm chất cao và phổ biến cho tất cả mọi người. Thứ ba, các chính quyền phải tích cực ngăn chặn tình trạng lạm phát mà thông thường ảnh hưởng đến người nghèo nhiều nhất.

Điều này đòi hỏi các chính quyền phải có những chính sách thuế vụ và tiền tệ cứng rắn. Tuy rằng làm vậy có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng trong ngắn hạn, nhưng nó sẽ bảo đảm cho sự phồn thịnh lâu dài của châu Á.

Lê Mạnh Hùng (London)

Tham luận

Vận động nhân quyền : đâu là mục tiêu khả thi ?

Nguyễn Quốc Khải

Thỉnh nguyện Thư Nhân Quyền của cộng đồng Việt Nam do nhạc Sĩ Trúc Hồ khởi xướng đã được đệ nạp tổng thống Barack Obama qua mạng của Tòa Nhà Trắng trong chương trình "We, The People - Your Voice in Our Government" (Chúng Ta, Những Người Dân - Tiếng Nói của Quý Vị trong Chính Phủ của Chúng Tôi) vào ngày 7-2-2012.

Thỉnh nguyện thư, dài 11 dòng gồm 642 chữ, bắt đầu bằng câu "Chúng tôi thỉnh nguyện chính phủ Obama ngưng mở rộng thương mại với Việt Nam, hi sinh nhân quyền".

Thỉnh nguyện thư đưa ra một đề nghị ở ba dòng cuối cùng "Chúng tôi thỉnh cầu tổng thống sử dụng *Hiệp Định Đối Tác Kinh Tế Chiến Lược Xuyên Thái Bình Dương* (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement - TPP) và *Hệ Thống Ưu Đãi Thuế Quan Phổ Quát* (Generalized System of Preferences - GSP) để buộc Cộng Sản Việt Nam (CSVN) trả tự do lập tức và vô điều kiện cho những nhà hoạt động nhân quyền đang bị bắt giữ hoặc giam cầm trong các nhà tù tại Việt Nam. Bày tỏ cho thế giới biết rằng Hoa Kỳ đặt tự do trên hết".

Giới hạn trao đổi thương mại với Việt Nam - mục tiêu được xác định trong thỉnh nguyện thư - nhằm gây áp lực đòi CSVN cải thiện nhân quyền. Rất tiếc là trong những tập tài liệu do ban tổ chức Chiến Dịch Thỉnh nguyện Thư Nhân Quyền (BTC) phổ biến không có một chi tiết nào về đề nghị này cả. Một số người trong Tòa Nhà Trắng và tại Quốc Hội Hoa Kỳ cũng không rõ TPP và GSP là cái gì. Nhiều người đi vận động nhân quyền lại càng không biết (ngoại trừ hai toán Arizona và Virginia). Các cơ quan truyền thông Việt ngữ không hề nhắc nhở đến mục tiêu chính của thỉnh nguyện thư. Tại các cuộc họp của BTC trong ba ngày 4/5/6-3-2012, không ai nhắc tới việc giới hạn trao đổi thương mại với Việt Nam.

Bài phân tách này sẽ tìm hiểu về *Hiệp Định Đối Tác Kinh Tế Chiến Lược Xuyên Thái Bình Dương* và *Hệ Thống Ưu Đãi Thuế Quan Phổ Quát* và phân tách xem chúng có thể được sử dụng để hỗ trợ cho cuộc tranh đấu nhân quyền ở Việt Nam hay không.

Hiệp Định Đối Tác Kinh Tế Chiến Lược Xuyên Thái Bình Dương

Hiệp Định Đối Tác Kinh Tế Chiến Lược Xuyên Thái Bình Dương (TPP) là một thỏa hiệp thương mại tự do rộng rãi với mục đích hội nhập kinh tế giữa những nước trong khu vực xuyên Thái Bình Dương từ Mỹ châu qua Á châu. Mức độ tự do hóa là đặc điểm để phân biệt TPP với những hiệp định thương mại khác. Thỏa hiệp TPP ban đầu bao gồm có bốn nước là Brunei, Chile, New Zealand, và Singapore được ký kết ngày 3-6-2005 và có hiệu lực ngày 28-5-2006. Thỏa hiệp này nhằm xóa bỏ 90% các thuế nhập cảng ngày 1-1-2006 và loại trừ tất cả mọi thuế nhập cảng vào năm 2015.

Hiện nay có thêm năm nước đang thương lượng để gia nhập theo thứ tự thời gian là Hoa Kỳ (2-2008), Australia (11-2008), Việt Nam (11-2008), Peru (11-2008) và Malaysia (10-2010). Vào cuối năm vừa qua, Nhật Bản tuyên bố có ý định tham gia nhưng chưa chính thức tham dự. Ngoài ra, Phi Luật Tân, Đài Loan, Hàn Quốc và Canada cũng đã ngó ý muốn gia nhập vào tổ chức TPP.

Hiệp Định TPP đặc biệt nhấn mạnh đến những lãnh vực sau đây : (a) bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ; (b) xuất xứ hàng hóa ; (c) chính sách cạnh tranh ; (d) bảo vệ quyền lao động ; (e) hạn chế khu vực xí nghiệp quốc doanh ; (f) bảo vệ môi sinh ; (g) bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm ; (h) yểm trợ trung và tiểu thương ; (i) mở rộng tiếp cận thị trường ; (j) bảo đảm công nghệ thông tin tự do.

Các điểm về bảo vệ quyền lao động, hạn chế khu vực xí nghiệp

quốc doanh, mở rộng tiếp cận thị trường, và bảo đảm công nghệ thông tin tự do chắc chắn sẽ tạo cơ hội cho Việt Nam cải tổ kinh tế. Riêng điều kiện về bảo vệ quyền lao động, Việt Nam sẽ phải cho công nhân thành lập công đoàn độc lập, có quyền đình công và quyền tổ chức và thương lượng tập thể. Quyền lao động là một phần của nhân quyền. Nếu CSVN chấp thuận điều kiện này, công nhân Việt Nam và những người tranh đấu cho nhân quyền nói chung sẽ thắng một trận lớn.

Hệ Thống Ưu Đãi Thuế Quan Phổ Quát

Hệ Thống Ưu Đãi Thuế Quan Phổ Quát (GSP) được Hoa Kỳ thực hiện vào năm 1976. Mục đích là giúp các quốc gia đang mở mang phát triển thêm về kinh tế bằng cách cho phép sản phẩm từ các quốc gia này được nhập cảng miễn thuế vào Hoa Kỳ. Tính đến đầu năm 2012, 129 nước đã gia nhập chương trình GSP.

Tổng cộng có khoảng 4 800 loại hàng được xuất cảng sang Hoa-Kỳ trong chương trình GSP, tức là 1/3 tổng số hàng nhập cảng vào Hoa Kỳ. Trong số đó, Việt Nam có khoảng 1 000 loại sản phẩm hội đủ tiêu chuẩn để được nhập cảng vào Mỹ. Thí dụ như đồ sứ, sản phẩm điện tử (không nhạy cảm), đồ gỗ, kim loại quý, nữ trang giả, rổ rá, bao tải, túi, xách tay, v.v.

Những loại hàng không nằm chương trình GSP gồm hàng dệt và quần áo, hầu hết những đồng hồ đeo tay, giấy dép, túi cầm tay, áo quần bằng da, giày tay, đồ điện tử (nhạy cảm), đồ thép (nhạy cảm), sản phẩm làm bằng kính (nhạy cảm), nông phẩm giới hạn bởi sản ngạch.

Muốn gia nhập chương trình GSP, những nước đang phát triển phải thỏa mãn một số tiêu chuẩn sau đây :

- Mức độ phát triển kinh tế, kể cả tổng sản phẩm quốc gia trung bình đầu người (per capita GNP), mức sống của người dân và những yếu tố kinh tế khác mà Hoa Kỳ xét thấy thích hợp.
- Cho phép sản phẩm của Hoa Kỳ tiếp cận thị trường một cách quân bình và hợp lý và sản phẩm sơ đẳng (primary products) như khoáng sản, cao su, bông gòn, trà, cà phê, v.v.
- Bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu trí tuệ.
- Làm giảm bớt những hàng rào ngăn cản tự do thương mại, đặc biệt về khu vực dịch vụ.
- Không phải là nước cộng sản, ngoại trừ nước này có liên hệ thương mại bình thường với Hoa Kỳ ; là hội viên của Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế (WTO) ; là hội viên của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) ; và không bị cưỡng chế nợ bởi cộng sản quốc tế.

f. Bảo vệ đầy đủ quyền lao động được quốc tế công nhận trên năm lãnh vực : quyền lập hội ; quyền tổ chức và thương lượng tập thể ; cấm cưỡng bách lao động ; ấn định tuổi tối thiểu của trẻ em có thể đi làm và cấm những hình thức tồi tệ nhất của lao động trẻ em ; và điều kiện làm việc có thể chấp nhận được đối với mức lương tối thiểu, số giờ làm việc, và an toàn nghề nghiệp và sức khỏe.

Chính phủ Việt Nam đã chính thức gửi văn thư cho chính phủ Hoa Kỳ để xin được hưởng quy chế GSP vào tháng 5-2008. Trong dịp thăm viếng Hoa Kỳ hồi tháng 6-2008, thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã đề cập vấn đề này trong thông cáo chung của hai nước Việt-Mỹ.

Vào thời điểm đó, Ủy Ban Hoa Kỳ Bảo Vệ Người Lao Động Việt Nam (Committee to Protect Vietnamese Workers-CPVW-USA), một thành viên của Liên Minh Chống Nô Lệ Mới ở Á châu (Coalition to Abolish Modern-Day Slavery in Asia-CAMSA), đã trình bày với Văn

Phòng Đại Diện Thương Mại Hoa Kỳ (Office of the U.S. Trade Representative-USTR) rằng, trên nguyên tắc cơ quan này ủng hộ việc Việt Nam xin gia nhập GSP vì chương trình này sẽ giúp nông dân và công nhân Việt Nam bán sản phẩm sang Hoa Kỳ dễ dàng hơn. Tuy nhiên CPVW-USA xác định rằng Việt Nam chưa đủ điều kiện để gia nhập GSP. Mặc dù CSVN được rất nhiều công ty lớn của Mỹ ủng hộ, cho tới ngày hôm nay, Hoa Kỳ chưa chấp nhận cho Việt Nam được hưởng quy chế GSP.

Vào đầu năm nay, trong chuyến viếng thăm Việt Nam của một phái đoàn gồm bốn thượng nghị sĩ Hoa Kỳ, thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng một lần nữa đã yêu cầu Hoa Kỳ cho Việt Nam hưởng quy chế GSP. Theo phần 3 kể trên, Việt Nam hội đủ mọi điều kiện ngoại trừ quyền lao động. Những lãnh vực mà chính quyền Hà Nội vi phạm là quyền lập hội, quyền tự tập, quyền tổ chức và thương lượng tập thể, lao động trẻ em và điều kiện làm việc và lương bổng.

Công nhân không được phép thành lập công đoàn độc lập. Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam (TLĐLĐVN) là một tổ chức nghiệp đoàn quốc gia duy nhất ở Việt Nam. Tất cả các công đoàn phải phụ thuộc vào TLĐLĐVN. Đây là một trong những phong trào vận động quần chúng của Mặt Trận Tổ Quốc. Những người lãnh đạo của TLĐLĐVN ở cấp quốc gia và địa phương phần lớn đều là đảng viên của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Công dân không có quyền tự tập tại Việt Nam. Nếu tự tập từ năm người trở lên đều phải xin phép chính quyền địa phương (Điều 5.2 của Nghị Định 38/2005/NĐ-CP về trật tự công cộng, ký ngày 18-3-2005). Thông tư của Bộ Công An số 09/2005/TT-BCA ngày 5-9-2005 giải thích rõ hơn về hoạt động tập trung từ năm người ở nơi công cộng bị chỉ phối bởi Nghị Định 38/2005/NĐ-CP.

Người lao động Việt Nam không có quyền tổ chức và thương lượng tập thể. Tất cả những cuộc đình công tại Việt Nam có tính cách bột phát không do cá nhân, nhóm, hay chính phủ chính thức tổ chức. Do đó, sức mạnh thương lượng tập thể rất yếu. Theo luật, bất cứ một cuộc đình công nào đều phải có sự chấp thuận của TLĐLĐVN và chính quyền địa phương theo một thủ tục kéo dài và rườm rà. Thực tế cho thấy TLĐLĐVN chưa bao giờ khởi xướng, tổ chức, hoặc cho phép bất cứ một cuộc đình công nào. Do đó tất cả các cuộc đình công tại Việt Nam được xem là bất hợp pháp.

Gần đây, chính quyền Hà Nội lại ban hành thêm một nghị định có tính cách chống người lao động bằng cách buộc người lao động tham gia đình công bất hợp pháp phải bồi thường thiệt hại cho chủ nhân.

Luật Việt Nam đòi hỏi rằng tuổi tối thiểu để làm việc là 18. Trẻ em trong lứa tuổi 15-18 có thể được tuyển vào làm việc, nếu chủ công ty có giấy phép của cha mẹ và Bộ Lao Động, Thương Binh và Xã Hội (LĐTBXH). Tuy nhiên, Bộ LĐTBXH không có phương tiện để có thể cưỡng bách việc thi hành luật. Do đó tình trạng lao động trẻ em vẫn tiếp diễn ở Việt Nam.

Theo Văn phòng Dân Chủ, Nhân Quyền, và Lao Động tại Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, trẻ em Việt Nam bị buôn bán ở trong nước cũng như ở nước ngoài, đáng chú ý nhất là Campuchia, để khai thác tình dục. Việc buôn trẻ em ở trong nước bao gồm cả những trường hợp trẻ em bị bắt làm nghề ăn mày và bán hoa, đặc biệt ở Sài Gòn và Hà Nội. Một số trẻ em khác lại bị bi buôn ngược lại từ Campuchia và đưa vào Sài Gòn.

Luật Lao Động Việt Nam cam kết bảo vệ người lao động như bất cứ một quốc gia phát triển nào. Tuy nhiên, trên thực tế, phần đông công nhân Việt Nam phải chịu thiệt thòi một cách đáng kể về tiền lương thấp, ngày làm việc dài, không trả lương giờ phụ trội, điều kiện làm việc thiếu an toàn về sức khỏe, không bảo hiểm và không tiền hưu trí. Một người thợ trung bình phải làm ít nhất 10 giờ một ngày và 6 ngày

một tuần. Môi trường làm việc trong nhiều trường hợp không thể chấp nhận được. Tuy nhiên, người thợ này chỉ được trả lương 50 Mỹ kim hàng tháng. Với lợi tức này và với mức lạm phát cao, công nhân Việt Nam cảm thấy rất khó khăn để có thể nuôi sống gia đình.

Về quyền lao động, GSP và TPP là một. Tuy nhiên có một khác biệt quan trọng giữa GSP và TPP. GSP là một công cụ hoàn toàn nằm trong tay Hoa Kỳ. Việt Nam ở vào vị trí xin-cho. Trong khi đó TPP là một tổ chức đa quốc gia. Việt Nam và Hoa Kỳ còn ở trong giai đoạn thương thuyết để gia nhập. Tuy là một nước lớn và đóng một vai trò quan trọng trong TPP, Hoa Kỳ không phải là quốc gia chủ nhân TPP.

TPP, GSP và nhân quyền

Nhiều viên chức ngoại giao cao cấp của Hoa Kỳ đã nhiều lần tuyên bố rằng vấn đề nhân quyền ở Việt Nam đã cản trở hai quốc gia tiến xa hơn nữa trong quan hệ ngoại giao và hợp tác chiến lược.

Trong dịp viếng thăm Việt Nam hồi tháng 10-2010, ngoại trưởng Hillary Clinton đã bày tỏ mối lo ngại về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam. Bà tuyên bố với báo chí tại Hà Nội rằng "Với một dân tộc đặc biệt và năng động, Việt Nam đang trở thành một quốc gia vĩ đại với một tiềm năng vô giới hạn. Và đó cũng nằm trong những lý do khiến chúng tôi phải bày tỏ sự quan tâm về việc bắt giữ và kết án những người bất đồng chính kiến ôn hòa, tấn công những nhóm tôn giáo, và hạn chế tự do Internet".

Vào đầu năm nay, trong chuyến viếng thăm Việt Nam, thượng nghị sĩ John McCain, đáp lại lời yêu cầu của Việt Nam muốn mua vũ khí của Hoa Kỳ, đã tuyên bố rằng "có một số hệ thống vũ khí mà Việt Nam muốn mua của chúng tôi và chúng tôi muốn chuyển giao những vũ khí này cho họ, nhưng điều này sẽ không xảy ra ngoại trừ Việt Nam cải thiện thành tích nhân quyền của họ".

Việt Nam rất muốn gia nhập TPP vì các nước trong khối TPP sẽ là một thị trường lớn cho hàng hóa của Việt Nam. Một khi đã thỏa mãn những tiêu chuẩn cao để gia nhập TPP, Việt Nam sẽ thu hút được đầu tư của khối TPP và những quốc gia khác. Ngoài ra, TPP sẽ giúp Việt Nam độc lập hơn với Trung Quốc về phương diện kinh tế vì Trung Quốc sẽ khó thỏa mãn những điều kiện của TPP để vào tổ chức này. Nếu cần Hoa Kỳ có thể đòi hỏi thêm điều kiện về nhân quyền để gạt hẳn Trung Quốc ra ngoài. GSP hoàn toàn có lợi cho Việt Nam. Qua chương trình này, Việt Nam có thể gia tăng số lượng và trị giá hàng xuất khẩu qua thị trường Hoa Kỳ mà không phải trả thuế nhập cảng. Do đó Việt Nam kiên nhẫn chờ đợi trong nhiều năm qua để được hưởng quy chế này.

TPP và GSP sẽ là hai cơ hội lớn để Hoa Kỳ áp lực Việt Nam cải thiện nhân quyền. Việt Nam thường làm ngơ hoặc bác bỏ những lời chỉ trích vi phạm nhân quyền của các cơ quan nhân quyền quốc tế và những quốc gia văn minh trên thế giới. Tuy nhiên đối với TPP và GSP, với chủ trương rõ ràng của Hoa Kỳ, CSVN khó có thể làm ngơ được.

Trong hơn 10 năm vừa qua, cứ hai năm toàn bộ Hạ Viện được bầu lại, Hoa Kỳ lại có một quốc hội mới, cộng đồng người Mỹ gốc Việt lại vận động để Dự Luật Nhân Quyền Cho Việt Nam được thông qua tổ chức lập pháp này, nhưng chưa bao giờ thành công. Chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á không cho phép Hoa Kỳ mạnh tay với Việt Nam. Điều này ngày càng rõ rệt hơn. Do đó, chúng ta không thấy một dấu hiệu nào khiến cho dự luật này có nhiều may mắn hơn đối với Quốc Hội thứ 112 hiện nay. Quốc Hội này sẽ đi vào lịch sử trong 9 tháng sắp tới.

Đâu là mục tiêu khả thi của chúng ta ? Về phương diện chiến thuật, Dự Luật Nhân Quyền quả là một cái bóng. Nhưng GSP và TPP mới thực sự là con mồi.

Nguyễn Quốc Khải (Washington)

Chữ nghĩa

Thưa quý vị thức giả, phải nói thực là tôi rất hoang mang khi theo dõi những tranh luận chính trị gần đây của quý vị. Tôi không hiểu gì cả. Quý vị tranh cãi hăng lắm nhưng hình như quý vị không nói cùng một thứ tiếng. Như vậy thì làm sao ngã ngũ được. Theo thiên ý, trước khi tranh luận, quý vị nên đồng ý với nhau về nghĩa của một số từ. Để giúp quý vị thảo luận có kết quả, tôi đã tham khảo một vài từ. Một vài từ thôi bởi vì, xin thú thực, kiến thức của tôi rất giới hạn.

Trước hết là một từ rất thông dụng : *đảng*. Từ này rất phức tạp. Nó thường được dùng như một danh từ để chỉ những kết hợp của nhiều người để làm chính trị hoặc để ăn cướp. Đây là một từ khá đặc biệt của Trung Quốc và Việt Nam, vì hình như chỉ ở hai nước này chính trị và ăn cướp mới được coi là một, do đó chữ "đảng" mới được dùng cho cả hai. Trong tiếng Anh và tiếng Pháp, các đảng chính trị được gọi là *party* hay *parti*. Đảng Dân Chủ Mỹ được gọi là *The Democratic Party*, Đảng Xã Hội Pháp là *Le Parti Socialiste*. Các đảng cướp được gọi là *band*, *gang* hay *bande*. Cũng tại Việt Nam và Trung Quốc, chữ đảng, thường viết hoa, nhiều khi là từ viết tắt của "Đảng Cộng Sản Trung Quốc" hay "Đảng Cộng Sản Việt Nam", tùy câu. Thí dụ như khi đọc trên báo chí Việt Nam, những câu như "tư tưởng và đạo đức chính trị trong Đảng đã sa sút nghiêm trọng từ nhiều năm nay và đang tiếp tục sa sút" thì phải hiểu Đảng đây là Đảng Cộng Sản Việt Nam. Cách viết tắt này cũng được dân gian chấp nhận, như đôi khi người ta nói : "anh ấy tuy là người của Đảng nhưng là một người tốt".

Một biến thể của đảng là *băng đảng*, có nghĩa là những đảng cướp không đông người lắm, thí dụ : các băng đảng xã hội đen. Danh từ này đã đổi nghĩa rất nhiều từ nhiều năm gần đây. "Băng" là chữ phiên âm từ tiếng Pháp *banque*, có nghĩa là ngân hàng, dân gian thường gọi là "nhà băng". Nguồn gốc của từ "băng đảng" có lẽ là vì các băng đảng trước đây thường đi đánh cướp các nhà băng, ngày nay là ngân hàng. Tình hình đã thay đổi. Hiện nay các băng đảng tại Việt Nam rất ít khi đánh cướp ngân hàng, trái lại chúng thường làm chủ các ngân hàng.

Một danh từ khác cũng liên hệ mật thiết với danh từ đảng là *đại gia*. Các đại gia không phải là những gia đình lớn, dù là lớn về số người hay về sự cao cả. Điều kiện để được coi là đại gia là vừa phải rất giàu vừa phải khoe khoang sự giàu có đó một cách rất lộ liễu, thí dụ dùng cả trăm xe hơi cực kỳ sang trọng - gọi là *siêu xe* - để rước dâu, hay bỏ ra cả triệu đô la cho một buổi tiếp khách ở nhà hàng. Một điều kiện cần khác để làm đại gia là phải vô học, có như thế mới không biết ngượng khi khoe khoang một cách quá lộ lằng. Cũng do đặc tính vô học mà đại gia chủ tịch Câu Lạc Bộ Bất Động Sản Hà Nội đang bị vợ kiện vì tội đánh vợ. Đây là chuyện con kiển kiện củ khoai bởi vì các đại gia đều có quan hệ mật thiết với Đảng (xem định nghĩa đảng ở phần trên). Quan hệ này rất bí ẩn, các đại gia thường không phải là đảng viên hay chỉ là đảng viên thường, trừ những ngoại lệ nổi tiếng như Võ Văn Kiệt, Phan Văn Khải, Nguyễn Tấn Dũng, nhưng họ lại có quan hệ rất thân mật với các cấp lãnh đạo cao nhất của Đảng, họ sai bảo các cán bộ cao cấp và không thèm biết đến đảng viên trung cấp và cơ sở.

Một danh từ quan trọng thường gặp trong các bài báo là *tiền sĩ*, thường được viết tắt bằng chữ hoa là TS. Nguyên nhân của sự viết

MỤC LỤC

1. Thêm một dịp để rút kinh nghiệm
Thông Luận
2. Trí thức là một khái niệm chính trị
Nguyễn Gia Kiểng
5. Trí thức Việt Nam đã làm tròn trách nhiệm hướng dẫn quần chúng chưa ?
BBT Dân Luận thực hiện
8. Mọi sự đều qua đi trừ quá khứ
Nguyễn Gia Thường
9. Đại gia và chủ nghĩa tư bản rừng rú
Việt Hoàng
11. Trung Quốc : chiến tranh văn hóa và siêu quyền lực mềm
Nguyễn Hưng Quốc
13. Châu Á và nguy cơ bất ổn
Lê Mạnh Hùng
14. Vận động nhân quyền : đâu là mục tiêu khả thi ?
Nguyễn Quốc Khải
16. Chữ nghĩa
Đáy

tắt này là sự khiêm tốn của các tiền sĩ. Có nhiều giải thích khác nhau về sự khiêm tốn này. Giải thích của những tiền sĩ ký tên TS trước tên mình là vì họ... khiêm tốn, không muốn khoe bằng cấp. Nhưng cũng có một giải thích khác là họ run tay khi ký TS, vì bằng tiền sĩ của họ không có thực, mà là bằng tự cấp, hoặc bằng mua, hay bằng được Đảng cấp cho, dân chúng gọi bằng đầu. Đến nay cuộc tranh luận vẫn chưa ngã ngũ. Nguồn gốc của hàm tiền sĩ khá xa xưa, từ cả nghìn năm trước. Đó là những người học *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh* rồi đi thi, đậu tiền sĩ, và được bổ nhiệm làm quan cai trị dè dặt dè cổ người khác nên dân gian có câu tục ngữ "chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng". Vì thế mục đích của những người ký TS, tiền sĩ, là để "đe hàng tổng", nghĩa là hù thiên hạ. Đây cũng chỉ là một giải thích. Điều chắc chắn, đã được kinh nghiệm xác nhận, là những bài viết ký tên TS, hay tiền sĩ, bảo đảm không có giá trị. Chữ TS đôi khi cũng thấy trong những chữ viết tắt khác như GSTS (giáo sư tiền sĩ) hay PGSTS (phó giáo sư tiền sĩ) và còn gây một sự ngỡ ngàng lớn hơn vì đa số là những hàm này do đảng cấp, nhất là GSTS.

Một danh từ đang gây tranh cãi sôi nổi trong lúc này là *trí thức*. Chưa có định nghĩa rõ ràng. Cuộc tranh luận còn lồi thối lẫn. Có người nói trí thức phải phản biện, có người lại bảo trí thức chỉ là người lao động trí óc. Có người nói trí thức phải đảm nhiệm vai trò lãnh đạo xã hội, người khác lại cho rằng trí thức chỉ có vai trò phò chính thống, nghĩa là phục vụ cho chính quyền. Còn có người quá quyết rằng Việt Nam chưa có trí thức đúng nghĩa. Vậy từ trí thức cần được dùng với tất cả thận trọng. Riêng cô Phạm Thị Hoài, một nhà văn và một nhà lý luận sắc bén, lại đưa ra một định nghĩa rất độc đáo. Cô nói trí thức Việt Nam là những "dương vật buồn thiu". Mặc dù uy tín của cô Hoài, định nghĩa này chỉ có thể là sai. Nếu như vậy điều kiện cần để là một trí thức là phải có dương vật ? Đây là một thái độ kỳ thị nam nữ không thể chấp nhận. Và lại, chính cô Hoài được coi là một trí thức lớn, dù có mọi triển vọng là cô không có yếu tố định nghĩa mà chính cô đưa ra.

